MASAN RESOURCES

VẬT LIỆU TƯƠNG LAI

Báo cáo thường niên 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN, o=MST:0309966889, l=13/11/2015 9:38:39 AM, c=VN
Date: 2017.04.13 13:42:44 +07'00'

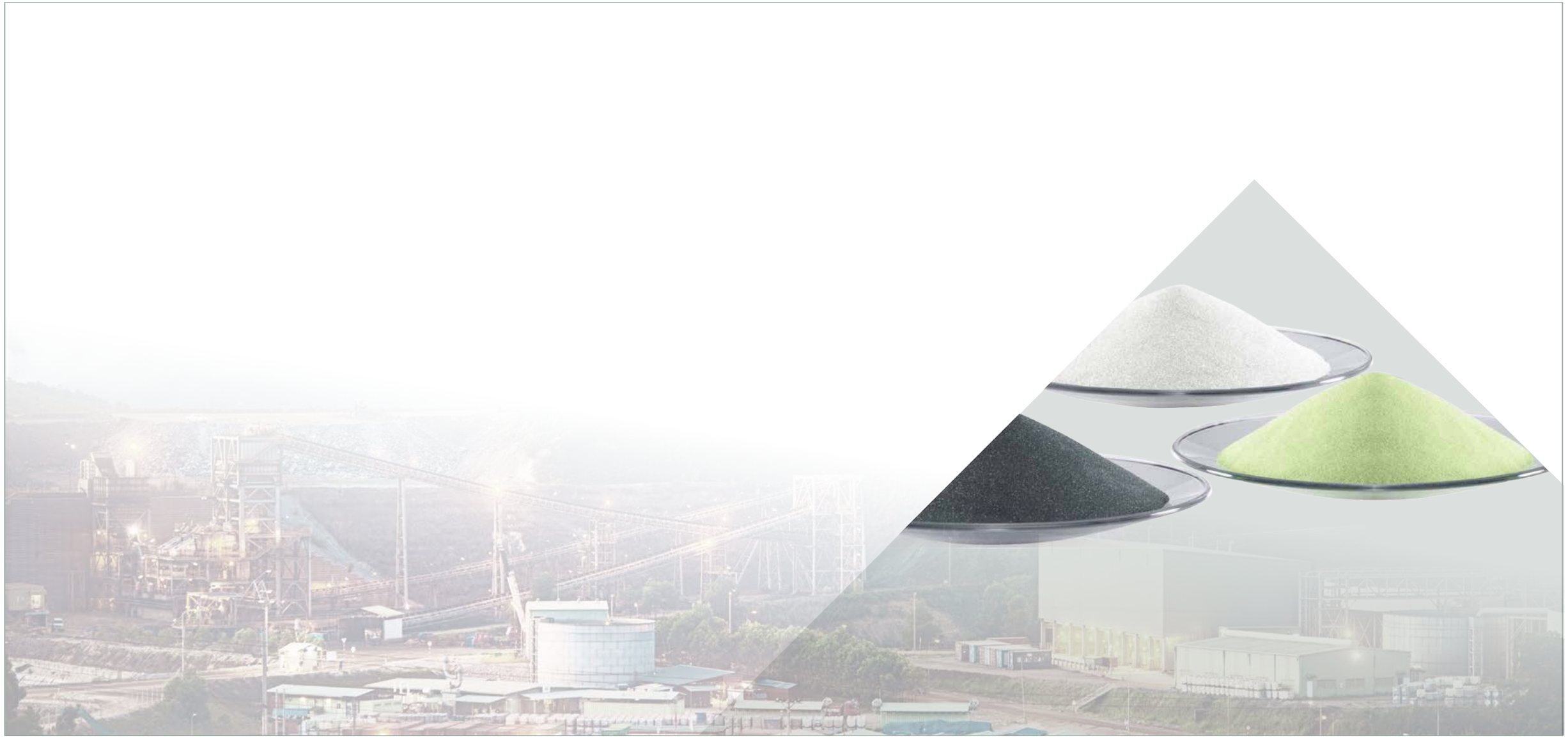

MỤC LỤC

14 THÔNG ĐIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH
19 DẤU ẤN NĂM 2016

24 THÔNG TIN CHUNG

26 Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh
27 Hồ sơ Công ty
28 Hành trình 6 năm đổi mới và đam mê
30 Phục vụ khách hàng toàn cầu
32 Danh mục sản phẩm
36 Quy trình sản xuất
38 Thông tin cổ đông

42 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

44 Mục tiêu phát triển Công ty
44 Mục tiêu phát triển cộng đồng và xã hội
45 Chiến lược thực thi
46 Đánh giá chiến lược thực thi

48 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

50 Cơ cấu tổ chức
56 Cơ cấu quản lý
56 *Hội đồng Quản trị*
57 *Đội ngũ Quản lý*
61 *Ban Kiểm soát*

62 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

64 Báo cáo Định hướng Kinh doanh
68 Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc
70 Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị
72 Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát
76 Báo cáo Quản trị Công ty
84 Báo cáo Quản lý Nhân sự
88 Báo cáo Quản lý Rủi ro

92 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

94 Phát triển bền vững tại Masan Resources
97 Con người là quan trọng nhất
98 Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường
100 Bền vững cho tất cả chúng ta

106 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

108 Thông tin về Công ty
109 Báo cáo của Ban Giám đốc
110 Báo cáo Kiểm toán độc lập
111 Bảng cân đối kế toán
115 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
117 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
120 Thuyết minh Báo cáo tài chính

158 CÁC TỪ VIẾT TẮT/ ĐỊNH NGHĨA

36% THỊ TRƯỜNG
VONFRAM NGOÀI
TRUNG QUỐC

ĐẢM BẢO NGUỒN CUNG LÂU DÀI, ỔN ĐỊNH VÀ CHẤT LƯỢNG

110 TỶ VND

LỢI NHUẬN THUẦN

PHÂN BỔ CHO

CỔ ĐÔNG

KỶ LỤC AN TOÀN VỚI
18 TRIỆU GIỜ CÔNG
AN TOÀN KHÔNG CÓ
TAI NẠN GÂY
MẤT NGÀY CÔNG

THÔNG ĐIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Năm qua là một năm đầy khó khăn đối với ngành vonfam toàn cầu, nhưng trong bối cảnh đó chúng tôi vẫn tiếp tục đạt được những kỷ lục về tài chính và hiệu quả vận hành. Trong năm 2016, chúng tôi không ngừng tập trung nỗ lực gia tăng dòng tiền. Doanh thu của chúng tôi đã tăng lên 4.049 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu nội bộ. Chúng tôi cũng đã giới hạn chi phí vốn với 636 tỷ đồng. Hiệu quả hoạt động này có ý nghĩa quan trọng bởi nó chứng minh chúng tôi đã đạt được các mục tiêu và giữ trọn lời hứa của mình! Chúng tôi tập trung vào hiện thực hóa các giá trị và thực hiện cam kết cải thiện hoạt động kinh doanh. Phương pháp làm việc chủ động và đầy nhiệt huyết của tập thể lãnh đạo đã đem lại kết quả là một bảng cân đối kế toán khởi sắc và ngày càng vững mạnh qua các năm. Chúng tôi đã thực hành giảm chi phí ngay từ đầu năm 2014, giảm chi phí vốn và vốn lưu động, đồng thời cải thiện hiệu quả hoạt động của các dòng tài sản. Kết quả là chi phí khai thác của Công ty nằm dưới đường cong chi phí của ngành vonfram toàn cầu. Có được kết quả này là nhờ sự tận tâm và tận lực của tập thể CB-CNV tài năng, đặc tính chất lượng vượt trội của các dòng tài sản của dự án Núi Pháo, cũng như những chương trình vận hành và kinh doanh xuất sắc.

Mặc dù chúng ta đã cùng nhau đạt được nhiều thành tựu vượt trội, chúng tôi cũng hiểu rõ rằng các quý vị, những cổ đông của Công ty, còn mong đợi nhiều hơn nữa những nỗ lực của chúng tôi.

Năng lực thực hiện dự án đẳng cấp thế giới

Mức giảm sâu của nhiều loại giá cả hàng hóa là một thách thức đặc biệt đối với ngành và có tác động trực tiếp tới lợi nhuận của Công ty. Trong môi trường khốc liệt này, Công ty vẫn quyết tâm đạt được những mục tiêu cơ bản - tạo ra lợi nhuận và dòng tiền vượt trội. Trọng tâm hoạt động kinh doanh của chúng tôi là tập trung vào khai thác tối đa giá trị từ những khoản đầu tư đối với tài sản và cơ sở hạ tầng. Sản xuất năm 2016 tiếp tục đạt được kỷ lục đối với tất cả các sản phẩm. Kết quả này có được là nhờ vào việc cải thiện hiệu quả, giúp đem lại mức tăng doanh thu thuần 52% theo năm. Căn cứ nhận định năm ngoái của chúng tôi về dự báo môi trường giá, Công ty đã kiên định tập trung vào kiểm soát chi phí, theo đó biên EBITDA tăng 66% so với năm trước.

Phát triển bền vững

Vận hành an toàn và tin cậy luôn luôn là nền tảng quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng là thước đo chất lượng chính xác mà các cổ đông kỳ vọng ở năng lực của đội ngũ lãnh đạo. Trong năm 2016, chúng tôi đã đạt tỷ suất tai nạn thấp nhất trong lịch sử, với lũy kế trên 18 triệu giờ an toàn không có tai nạn gây mất ngày công tính đến thời điểm cuối năm. Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác với các đối tác có uy tín như công ty tư vấn quốc tế, SGS, là công ty có phòng thí nghiệm đặt tại mỏ, Công ty Gusho Kohsan của Nhật Bản, và Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. Đối với một dự án có quy mô lớn như vậy, những kỷ lục này đã đưa Công ty Núi Pháo vào vị thế vững chắc là một trong những mỏ an toàn nhất và được quản lý tốt nhất trên thế giới.

Dẫn dắt sự thay đổi

Một trong những niềm tự hào lớn của chúng tôi chính là con người Masan năng động trong công việc cũng như ở cộng đồng để góp phần tạo dựng nên một doanh nghiệp bền vững và đáng tin cậy. Hành động của toàn bộ CB-CNV Công ty đều gắn với phương thức OneMasan, phương thức này cùng với văn hóa dựa trên giá trị đã trở thành giá trị cốt lõi của Công ty. Theo kinh nghiệm cá nhân của tôi, của một người đã quan sát một số chu kỳ hàng hoá, chính những công ty như Masan Resources với những dòng tài sản chất lượng cao và thế mạnh tài chính để có thể đầu tư trong suốt chu kỳ sẽ là những công ty có thể đem lại giá trị lâu dài cho cổ đông. Mặc dù nhận định năm 2017 là năm tiếp tục có những thách thức, chúng tôi vẫn tiếp tục đặt ra những mục tiêu nội bộ đầy tham vọng, qua đó sẽ phát huy tối đa thế mạnh của mình. Trong năm tới, chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực cao độ để tập trung vào dòng tiền, duy trì cân đối tài chính, tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động về an toàn, môi trường và kinh doanh, đồng thời giữ vững vị thế dẫn dắt sự thay đổi trong ngành.

Tôi xin phép khép lại bằng lời cảm ơn chân thành tới các bên liên quan vì đã tin tưởng chúng tôi, và tới các quý vị, các cổ đông đã đầu tư vào Masan Resources.

DOMINIC JOHN HEATON
Tổng Giám đốc

TẦM NHÌN

KIẾN TẠO MASAN RESOURCES THÀNH MỘT CÔNG TY TÀI NGUYÊN HÀNG ĐẦU CÓ KHẢ NĂNG DẪN DẮT SỰ THAY ĐỔI THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU.

SỨ MỆNH

TRÊN CƠ SỞ THỰC HÀNH CÁC TIÊU CHUẨN TỐT NHẤT THẾ GIỚI, MASAN RESOURCES KHÔNG NGỪNG TĂNG TRƯỞNG VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI MỤC ĐÍCH GIA TĂNG GIÁ TRỊ GÓP VỐN CHO CỔ ĐÔNG. CHÚNG TÔI ĐÃ QUY TỤ MỘT ĐỘI NGŨ CÁC CHUYÊN GIA ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI VỚI BỀ DÀY KINH NGHIỆM LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, NHỮNG NGƯỜI ĐAM MÊ CHỨNG TỎ VỚI THẾ GIỚI RẰNG MỘT CÔNG TY VIỆT NAM CÓ THỂ DẪN DẮT SỰ THAY ĐỔI CỦA THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU.

DẤU ẤN NĂM 2016

DOANH THU THUẦN
TĂNG 52%
SO VỚI NĂM TRƯỚC

TÀI CHÍNH

Doanh thu thuần tăng 52% - Năm 2016, mặc dù giá trung bình thấp đối với tất cả các mặt hàng, kỷ lục về sản lượng đã đem lại doanh thu thuần là 4.049 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2015. Tất cả sản phẩm đã được tiêu thụ, đồng thời các đơn hàng tiếp tục gia tăng vượt mức. Sản lượng và chất lượng được duy trì ổn định khiến gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm của Công ty, đem lại những hợp đồng bán hàng mới và lâu dài với các khách hàng chiến lược.

EBITDA (lợi nhuận trước thuế, trả lãi và khấu hao) tăng 66% - Trong bối cảnh giá cả hàng hóa vẫn đang phục hồi từ việc tái cân bằng cung cầu toàn cầu, thì việc kiểm soát chi phí vẫn là một trọng tâm cốt lõi. Việc tối ưu hóa cấu trúc chi phí của Công ty đã giúp EBITDA tăng 66% so với năm trước. Dự án Núi Pháo tiếp tục vận hành ở điểm tứ phân vị thấp nhất về chi phí sản xuất, giúp củng cố vị thế là nhà cung cấp tin cậy trong môi trường giá đầy khắc nghiệt.

Chi phí đơn giá tiền mặt được cắt giảm - Chi phí đơn giá tiền mặt năm 2016 là thấp hơn 56% điểm hoà vốn giá APT của chi phí bình quân toàn cầu. Đây là kết quả trực tiếp của chương trình kiểm soát chi phí, bao gồm quản lý hàng tồn kho và tối ưu hoá chuỗi cung ứng.

Tỷ VND	2016	2015	Tăng trưởng
Kết quả Báo cáo Tài chính Hợp nhất của Masan Resources			
Doanh thu thuần	4.049	2.658 [(1)]	52%
EBITDA [(2)]	2.055	1.237	66%
Lợi nhuận thuần phân bổ sau thuế (VAS)	110	152	(28%)

(1) Trong báo cáo thường niên 2015, doanh thu tiền mặt ròng được báo cáo là 3.163 tỷ VND bao gồm doanh thu thuần được vốn hóa cho giai đoạn chạy thử của Nhà máy Liên doanh.
(2) Lợi nhuận trước thuế, trả lãi và khấu hao (EBITDA) trừ các thu nhập khác và chi phí khác.

SẢN LƯỢNG VONFRAM QUY ĐỔI TĂNG 26%

SẢN XUẤT

Tổng số trên 10 triệu tấn quặng đã được khai thác và chế biến tính đến hết năm 2016. Trong kỳ này, hoạt động khai thác và vận hành đạt 95% công suất tối đa. Trên cơ sở quy về vonfam, tổng sản lượng tăng 26% so với năm 2015, trong đó sản lượng vonfam, đồng và florit tăng lần lượt là 24%, 17% và 34%. Tỷ lệ thu hồi của sản xuất vonfam và đồng đều tăng và lần lượt đạt mức 63,6% và 85,2%.

Chu trình Tuyển nổi Sunphua Khối lớn (BSF) đã được nâng cấp và tối ưu hoá để cải tiến hiệu quả sản xuất.

Công ty Liên doanh - đơn vị tinh luyện hoá chất vonfram đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hoá chất vonfram giá trị gia tăng.

Bảng tóm tắt sản lượng	Đơn vị	2016	2015	Tăng trưởng
Quặng khai thác	Nghìn tấn	**3.654**	3.543	3%
Quặng chế biến	Nghìn tấn	**3.642**	3.229	13%
Tinh quặng vonfam (quy về tấn kim loại)	tấn	**6.357**	5.123	24%
Đơn vị quy đổi sang vonfam (quy về tấn kim loại)[1]	tấn	**12.926**	10.250	26%

(1) Thành phẩm của Công ty Núi Pháo được quy đổi sang đơn vị vonfam tương đương.

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN TOÀN CẦU BỞI CÁC SẢN PHẨM VONFRAM VÀ FLORIT CÓ GIÁ TRỊ CAO

HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC TOÀN CẦU

Hợp tác với những thương hiệu hàng đầu thế giới về công nghệ và phần mềm khai thác, chế biến và bảo trì bao gồm các tập đoàn lớn như Gemcom, Software, Cytec, FLSmidth Pty, HY-Performance Valves và Weir Minerals.

Hợp tác với các đối tác đẳng cấp quốc tế như Công ty SGS với phòng thí nghiệm đặt tại mỏ, Công ty Gusho Kohsan của Nhật Bản, và Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng của Việt Nam để thực hiện chấp hành pháp luật về xã hội và môi trường.

Hợp tác với tổ chức phi chính phủ như Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua trồng cây Năng lượng (CPEP), Tổ chức Đông Tây hội ngộ… trong công tác phục hồi môi trường và phát triển cộng đồng bền vững.

GHI NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng "Thương hiệu Xanh 2015"

trao tặng bởi

Báo Tài nguyên & Môi trường, Bộ Tài Nguyên & Môi trường

"Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam trong ngành khai thác khoáng sản năm 2015"

trao tặng bởi

Trung tâm Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Bằng khen "Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2015"

trao tặng bởi

UBND tỉnh Thái Nguyên

Chứng nhận "Đã ủng hộ kinh phí góp phần tổ chức thành công Lễ hội Trà Đại Từ năm Bính Thân 2016"

trao tặng bởi

UBND huyện Đại Từ

Chứng nhận "Chỉ số Tín nhiệm Xanh – Trusted Green 2016"

trao tặng bởi

Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Đánh giá chứng nhận InterConformity (CHLB Đức)

Bằng khen "Đã có thành tích trong công tác thu, nộp và quản lý ngân sách Nhà nước năm 2015 (*)

trao tặng bởi

Cục thuế tỉnh Thái Nguyên

Chứng nhận và kỷ niệm chương "Doanh nghiệp Phát triển đồng hành cùng phong trào xây dựng nông thôn mới năm 2016"

trao tặng bởi

Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Chứng nhận "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"

trao tặng bởi

UBND huyện Đại Từ

Chứng nhận đã lọt vào Bảng xếp hạng VNR500

trao tặng bởi

Vietnam Report

Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2015"

trao tặng bởi

Cục An toàn Lao động

Cúp vàng "Doanh nghiệp xuất sắc" (**)

trao tặng bởi

Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên phối hợp với UBND tỉnh Thái Nguyên

Giấy khen vì "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy năm 2016"

trao tặng bởi

Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thái Nguyên

Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam - 14/5/1954-14/5/2016

trao tặng bởi

Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Văn hóa – Thể thao năm 2015"

trao tặng bởi

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2016

trao tặng bởi

Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên

(*) 4 năm liên tiếp 2012, 2013, 2014 và 2015

(**) 4 năm liên tiếp 2013, 2014, 2015 và 2016

THÔNG TIN CHUNG

Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh

Hồ sơ Công ty

Hành trình 6 năm đổi mới và đam mê

Phục vụ khách hàng toàn cầu

Danh mục sản phẩm

Quy trình sản xuất

Thông tin cổ đông

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Masan Resources là nhà sản xuất sản phẩm vonfram dòng trung và cao cấp lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc. Tài sản chính của Công ty, mỏ đa kim Núi Pháo nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, miền Bắc Việt Nam, là mỏ vonfram đầu tiên được triển khai đưa vào sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ Núi Pháo đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng bao gồm Roskill và Argus Media Ltd đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn (theo Giấy phép Khai thác là 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và cấp C1 bao gồm: (i) khai thác mỏ lộ thiên: 55.192.000 tấn và (ii) khai thác hầm lò: 28.028.000 tấn).

Với đội ngũ quản lý có kinh nghiệm, năng lực kết nối địa phương, khả năng thực thi mạnh mẽ, đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Masan Resources đã phát triển được nền tảng phù hợp để vươn lên thành công ty khai thác khoáng sản hàng đầu trên thế giới.

HỒ SƠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Tên Công ty
Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan

Tên tiếng Anh
Masan Resources Corporation

Tên viết tắt
Masan Resources

Trụ sở
Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại
+84 8 6256 3862

Fax
+84 8 3827 4115

Website
www.masangroup.com/masanresources

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 13 ngày 06 tháng 5 năm 2016

Vốn điều lệ
7.194.473.280.000 VND

Mã chứng khoán tại sàn HNX: MSR

HÀNH TRÌNH 6 NĂM ĐỔI MỚI VÀ ĐAM MÊ

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Masan Group. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty.

2011

Thúc đẩy phát triển Dự án Núi Pháo.

Tháng 3, MRC Ltd., một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., trở thành cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Công ty.

Tháng 12, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự án Núi Pháo.

2012

Tháng 2, thiết kế mỏ cơ bản của Dự án Núi Pháo được Bộ Công Thương chính thức phê duyệt.

2013

Tháng 1, Private Equity New Markets II K/S, một tổ chức đầu tư của BankInvest, trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% vốn điều lệ của Công ty.

Tháng 6, MRC Ltd. tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty lên 21% vốn điều lệ.

Tháng 8, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2014

Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại các sản phẩm Tinh quặng Vonfram và Tinh quặng Đồng từ ngày 01 tháng 3, Fluorspar cấp axit từ ngày 01 tháng 6, và Tinh quặng Bismut từ ngày 01 tháng 9.

2015

Công ty đạt kỷ lục về sản lượng sản xuất đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. Công ty Liên doanh được trao Chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao của Bộ Khoa học và Công nghệ vào ngày 24/4.

Công ty đạt công suất theo thiết kế, và vận hành thử thành công nhà máy chế biến sâu APT của Công ty Liên doanh. Các sáng kiến tăng năng suất và hiệu quả sản xuất đã được áp dụng.

Tháng 9, Công ty niêm yết thành công cổ phiếu của Masan Resources tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 9, Công ty đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) với sự tham dự của hơn 120 đại biểu quốc tế.

2016

Ngày 22/4, Công ty tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đầu tiên sau khi niêm yết; Cổ phiếu của Công ty được xếp vào danh sách cổ phiếu "hạng sang" (Premium) trên sàn UPCOM.

Triển khai các sáng kiến về đổi mới quy trình, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới.

Công ty Liên doanh đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng.

Tháng 12, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu 100% đã hoàn thành chào mua công khai cổ phần của Masan Resources, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng tỷ lệ sở hữu trong MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG TOÀN CẦU

DỰ ÁN NÚI PHÁO

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường bộ và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Trữ lượng đã được chứng minh và xác nhận của mỏ Núi Pháo là khoảng 66 triệu tấn, với vòng đời mỏ ước tính là 20 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên.
- Khu bãi thải.
- Nhà máy chế biến hiện đại và gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực.
- Nhà máy chế biến sâu (APT) nhằm chế biến tinh quặng von-fram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn.
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi.
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Các sản phẩm của Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới từ cảng Quảng Ninh (tại Thành phố Hạ Long, cách dự án 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ.

Sơ đồ vị trí mỏ Núi Pháo

MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI

Mạng lưới bán hàng phân theo vùng lãnh thổ (*)

(*) Bao gồm JV

Bộ phận Bán hàng và Marketing của Công ty làm việc tại Hà Nội và duy trì một mạng lưới các mối quan hệ chặt chẽ với các khách hàng có uy tín trên khắp thế giới. Nhờ những nỗ lực hiệu quả của Bộ phận này trong việc chăm sóc và phát triển mạng lưới khách hàng và đối tác, Masan Resources đã có thể đạt trên 82% doanh số bán hàng từ nhóm khách hàng quốc tế trải dài qua châu Á, Bắc Mỹ, châu Âu và Trung Đông và 18% doanh thu còn lại là từ việc bán hàng trong nước.

Sản phẩm của Công ty được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc tiêu thụ khác nhau và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp, giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Công ty là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Công ty nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp bậc trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Công ty đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Là một phần trong chiến lược này, Công ty khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về kỹ thuật phân tích, nhu cầu khách hàng và phát triển sản phẩm v.v...

H.C.Starck GmbH

Japan New Metals Co.,Ltd.

Global Tungsten & Powders Corp.

Advanced Material Japan Corporation

CMC Cometals

5N Plus Inc

DANH MỤC SẢN PHẨM

Vonfram, florit, đồng và bismut tại mỏ Núi Pháo là các nguyên liệu chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

Vonfram (WO_3)

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Hợp kim vonfram có thể hàn tốt với các kim loại khác, và có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Ngành thép là ngành tiêu thụ chính vonfram để sản xuất hợp kim thép không gỉ và thép hợp kim đầy đủ và siêu hợp kim. Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng đa dạng về quân sự, hàng không và sản xuất điện.

Florit (CaF_2)

Florit được sử dụng chủ yếu trong sản xuất Axit Flohydric (HF), là chất hóa học được sử dụng trong ngành công nghiệp sản xuất nhôm và thép. Florit được sản xuất thành 2 loại:

- Acidspar: chứa ít nhất 97% calcium florit (CaF_2). Chất này được dùng để sản xuất axít flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng là một nguyên liệu để làm chất ga chuyên dụng cho máy điều hòa và tủ lạnh.
- Metspa: chứa ít nhất 60% CaF_2 và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng thép.

Tổng sản lượng florit của thế giới năm 2015 được ước tính là 6,25 triệu tấn, trong đó Trung Quốc sản xuất hơn 60%.

Đồng (Cu)

Đồng là kim loại quan trọng trong các ngành công nghiệp đang phát triển trên thế giới. Dây cáp và dây điện chiếm khoảng 75% nhu cầu đồng trên thế giới. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng.

Trên toàn thế giới, các hoạt động xây dựng chiếm khoảng 40% nhu cầu tiêu thụ đồng. Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng, do tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.

Bismut (Bi)

Bismut là nguyên tố không phóng xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại cơ bản với trữ lượng trên thế giới tương tự với trữ lượng của bạc và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut có trong nhiều ứng dụng công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng. Gần đây, bismut đang được sử dụng để dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng.

Trung Quốc là nước sản xuất bismut lớn nhất do hơn 50% sản lượng là sản phẩm phụ của quá trình sản xuất vonfram. Trong tương lai, nhu cầu bismut được dự đoán sẽ tăng. Theo Báo cáo thị trường về vonfram, florit, bismut và đồng của công ty Somerley Limited, nhu cầu bismut của thế giới được ước tính tăng 4-5% mỗi năm.

Vonfram: Vật liệu thiết yếu với mọi ngành công nghiệp

Ứng dụng của vonfram trong các ngành công nghiệp

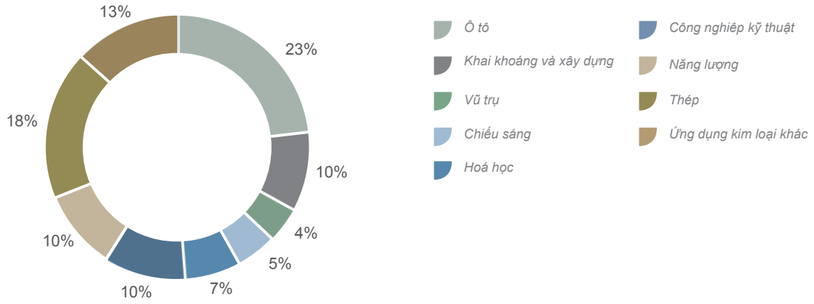

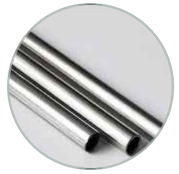

Với những đặc tính độc đáo, vonfram được sử dụng trong một loạt các ứng dụng công nghiệp mà hầu như không thể thay thế bằng kim loại khác được nếu không muốn ảnh hưởng đến hiệu suất:

Kim loại cứng

Do độ cứng và kháng mòn cao, trên 50% lượng vonfram của thế giới được sử dụng để sản xuất kim loại cứng. Đây là vật liệu dựa trên cacbua vonfram, với các ứng dụng rất đa dạng, bao gồm sử dụng trong các công cụ cắt kim loại và đá; các công cụ có quy mô lớn như mũi khoan khai thác mỏ; các công cụ tinh tế như mũi khoan sử dụng trong nha khoa; công cụ tạo hình trong ngành thép; vũ khí (vỏ đạn pháo, lựu đạn và tên lửa), và ngay cả đầu bút bi.

Thép và siêu hợp kim

Độ cứng và điểm nóng chảy cao của vonfram có thể ứng dụng trong ngành thép. Nó được sử dụng trong công cụ cắt và siêu hợp kim sử dụng trong các ứng dụng như động cơ tuabin phản lực.

Các ứng dụng điện và điện tử

Vonfram có nhiều ứng dụng điện và điện tử khác, chẳng hạn như sử dụng trong các bảng mạch và trong sản xuất công tắc điện và điện cực.

Ứng dụng hóa học và các ứng dụng khác

Vonfram cũng có một loạt các ứng dụng hóa học và ứng dụng khác trong ngành thủy tinh, gốm sứ, sơn và dầu khí.

Là một kim loại ít hoạt động, ít bị tác động bởi môi trường, các hợp chất vonfram ngày càng được sử dụng nhiều để thay thế cho chì trong chế tạo đạn. Các hóa chất vonfram được dùng trong các chất xúc tác, thuốc nhộm vô cơ, vật liệu bán dẫn và dầu bôi trơn làm mát.

Nguồn: http://metalpedia.asianmetal.com

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Sau đây là mô tả tóm tắt về thiết kế nhà máy chế biến hiện nay của Masan Resources.

Nhà máy được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng/năm và sản xuất tinh quặng Đồng, tinh quặng Vonfram trọng lực, tinh quặng Fluorspar cấp axit, và Bismut tinh luyện. Nhà máy bao gồm các công đoạn vận hành sau:

- Nhà máy nghiền thô hai giai đoạn: Nhà máy nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền nhiều giai đoạn;
- Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ: Quặng mịn từ Nhà máy nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua ba băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến quy trình nghiền tinh;
- Quy trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn: Nhà máy nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng thô thành sản phẩm được nghiền mịn;
- Quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói: Quy trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng Đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Sau đó tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc được đóng gói vào bao lớn tại trạm băng chuyền và đóng gói;
- Quy trình tuyển nổi sunfua khối lớn: Quy trình tuyển nổi sunfua khối lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ ôxit vonfram và khoáng chất florit;
- Quy trình thu hồi, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram trọng lực: Quy trình trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, chủ yếu là scheelite, từ chất thải BSF. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram được tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn tại trạm đóng gói;
- Hóa chất vonfram: Tinh quặng vonfram từ mỏ được tinh luyện thành hóa chất vonfram có giá trị gia tăng tại Nhà máy của Công ty Liên doanh nằm ngay cạnh mỏ. Tinh quặng vonfram sản xuất thành sản phẩm APT (muối Ammonium Paratungstate) với hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tiếp đó là quá trình tinh chế vật lý và hóa học và cuối cùng là bước kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để sản xuất ra ôxit vonfram;
- Quy trình tuyển nổi, lọc, luyện và đóng gói bismut: Quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc hoặc đóng gói vào bao lớn để bán dưới dạng tinh quặng bismut hoặc được dự trữ để sau đó làm sạch lại và chuyển đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric (H_2SO_4) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy trình luyện bismut có chứa H_2SO_4 và NaCl còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut tinh luyện được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng;
- Quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut: Xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài;
- Quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ: Quy trình tuyển nổi florit được thiết kế để thu hồi tinh quặng calcium florit (CaF_2) phẩm cấp cao cuối quy trình trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, tinh quặng cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Tinh quặng florit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cặn tiêu chuẩn. Tinh quặng được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xà lan;
- Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ: Có tổng cộng mười tám thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực Dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

Quy trình sản xuất của các sản phẩm của Masan Resources được trình bày như sau:

Sơ đồ quy trình công nghệ chế biến

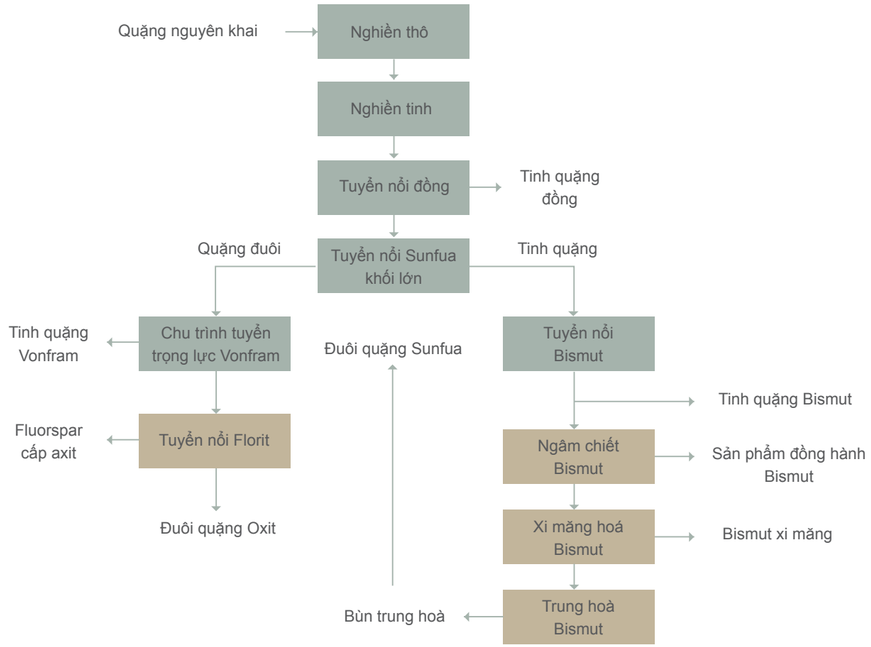

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Cổ đông	31/12/2016 Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (VND)	% vốn điều lệ
1	**Cổ đông trong nước**	**1.202**	**687.646.541**	**6.876.465.410.000**	95,58%
	Cổ đông tổ chức	10	674.991.657	6.749.916.570.000	93,82%
	Cổ đông cá nhân	1.192	12.654.884	126.548.840.000	1,76%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**21**	**31.800.787**	**318.007.870.000**	4,42%
	Cổ đông tổ chức	1	19.082.916	190.829.160.000	2,65%
	Cổ đông cá nhân	20	12.717.871	127.178.710.000	1,77%
	Tổng cộng	**1.223**	**719.447.328**	**7.194.473.280.000**	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cung cấp bởi VSD.

Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty

Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, như sau:

1	Cổ đông trong nước	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (VND)	% vốn điều lệ
	Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan	674.713.683	6.747.136.830.000	93,78%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cung cấp bởi VSD.

CỔ ĐÔNG CHÍNH

Cấu trúc sở hữu của Masan Resources tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:

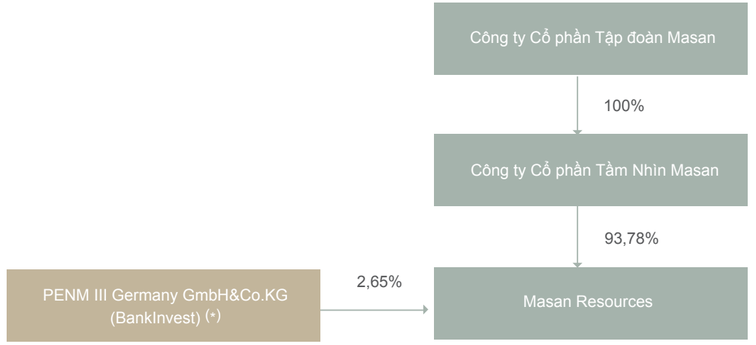

(*) PENM III Germany GmbH & Co.KG đang nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần phổ thông

CÁC CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC

Cổ đông trong nước

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Cổ đông kiểm soát thông qua Công ty con sở hữu toàn phần, qua Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Công ty Masan Consumer Holdings - Đơn vị sản xuất một loạt nhãn hàng yêu thích và tin cậy thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (như Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafe, cà phê Wake- up, Nước khoáng Vĩnh Hảo và Bia Sư Tử Trắng), và Công ty Masan Nutri-Science - công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam (với các nhãn hàng như Proconco và ANCO). Các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một trong các nhà sản xuất vonfram và các khoáng sản công nghiệp thiết yếu lớn nhất thế giới, và công ty liên kết - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), một ngân hàng cổ phần thương mại hàng đầu tại Việt Nam.

Cổ đông nước ngoài

Mount Kellett

Mount Kellett Capital Management L.P, là một công ty đầu tư đa lĩnh vực, tập trung đầu tư vào tình huống đặc biệt và đầu tư cơ hội trên phạm vi toàn cầu. Năm 2011, Mount Kellett Capital Management L.P., thông qua công ty đầu tư MRC Ltd., đã đầu tư 2.059 tỷ VND vào Masan Resources và nắm giữ 20,0% quyền sở hữu thông qua việc phát hành cổ phần mới trong Masan Resources.

Tháng 12/2016, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu 100% đã hoàn thành chào mua công khai cổ phần của Masan Resources, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng tỷ lệ sở hữu trong MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

PENM Partners

Trong năm 2013, Quỹ Private Equity New Markets II K/S (hiện là PENM III), một tổ chức đầu tư trực thuộc BankInvest đã đầu tư 578 tỷ VND vào Masan Resources thông qua việc mua cổ phần ưu đãi bắt buộc chuyển đổi và cổ phần phổ thông.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển Công ty

Mục tiêu phát triển cộng đồng và xã hội

Chiến lược thực thi

Đánh giá chiến lược thực thi

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu trong ngành khai khoáng có khả năng dẫn dắt sự thay đổi của thị trường vonfram toàn cầu, mục tiêu phát triển của Công ty như sau:

- Tối ưu hóa lợi nhuận đầu tư cho các cổ đông;
- Mua lại, thăm dò và phát triển các dự án có tiềm năng sinh lời để trở thành nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc;
- Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất và duy trì các nguyên tắc quản lý chi phí;
- Hoạt động như một trong những công ty khai thác và chế biến khoáng sản mang tầm cỡ thế giới trong thực hành sản xuất bền vững với môi trường và áp dụng các chuẩn mực thế giới về an toàn lao động.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Trong mọi quan hệ, Tôn trọng, Hành động và Kết quả là những giá trị mà Masan Resources luôn trân trọng khi cam kết thực thi các trách nhiệm của mình.

Chúng tôi quan tâm sâu sắc tới những tác động của Dự án đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Vì vậy, các chương trình hành động về môi trường và xã hội của chúng tôi được xây dựng theo chuẩn mực của Tổ chức Tài Chính Quốc tế (IFC) và theo Nguyên tắc Xích đạo (chuẩn mực "Vàng" về xã hội và môi trường bền vững) nhằm tạo ra những giá trị gia tăng đối với cộng đồng, đồng thời nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của các dự án của chúng tôi đối với cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC THỰC THI

Chiến lược phát triển doanh nghiệp của Masan Resources được thực hiện trên 3 phương diện chủ chốt:

- **Triển khai dự án trên cơ sở kiến thức và hiểu biết về địa phương**

  Masan Resources tin rằng sự hiểu biết sâu sắc về các mối quan tâm của cộng đồng cũng như những đặc tính địa phương có ý nghĩa thiết yếu trong việc phát triển thành công Dự án. Chúng tôi đã xây dựng được một môi trường kinh doanh thuận lợi để phát triển và vận hành mỏ Núi Pháo bằng cách chủ động làm việc với cộng đồng địa phương.

- **Tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị**

  Khi đã xác định được giá trị của các dự án có tiềm năng sinh lời cao, Masan Resources luôn có khả năng tiếp cận nguồn vốn nội bộ và vốn bên ngoài để mua lại và phát triển ổn định những dự án này nhằm đảm bảo hiện thực hóa các giá trị lâu dài và bền vững của cổ đông.

- **Giảm thiểu rủi ro của các dự án thông qua nền tảng của Masan Group**

  Masan Resources phòng ngừa biến động giá cả thị trường thông qua việc đa dạng hóa danh mục các sản phẩm kim loại và khoáng sản. Rủi ro về vận hành và tài chính của Masan Resources thấp nhờ khả năng quản lý khai thác mạng lưới rộng lớn các nhà đầu tư và đối tác của Masan Group.

ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC THỰC THI TRONG BỐI CẢNH CHIẾN LƯỢC CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ XU HƯỚNG TOÀN CẦU

Masan Resources cam kết đem lại lợi nhuận cho cổ đông bằng cách phát huy bốn lợi thế phát triển trụ cột của mình.

Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sát nhập

Một trong những phương thức vận hành của Masan Resources là không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân bằng cách tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có nhằm đạt năng suất và hiệu quả tối đa. Chúng tôi tiếp tục hướng tới giảm đơn giá chi phí sản xuất thông qua các kế hoạch cải thiện biên lợi nhuận. Ngay từ giai đoạn mới vận hành Dự án khai khoáng tại Núi Pháo, Masan Resources đã chứng minh một cách thành công khả năng của mình trong việc gia tăng nguồn lực và trữ lượng với tốc độ cao hơn tốc độ hao mòn tài sản.

Masan Resources cũng hướng đến việc mua lại các dự án và cơ hội kinh doanh thuộc loại 1 (có giá trị cao, vị trí chiến lược, dài hạn, và chi phí sản xuất thấp) từ các chủ sở hữu đang kinh doanh không hiệu quả hoặc tận dụng các dự án thứ yếu từ các đối tác hợp nhất lớn hơn.

Tập trung nhất quán vào quản lý chi phí và tăng năng suất

Khai khoáng là một ngành công nghiệp đòi hỏi thời gian lâu dài. Việc tập trung nhất quán vào quản lý chi phí cùng với những nỗ lực tăng năng suất không ngừng giúp cho Masan Resources tăng cường năng lực đầu tư dài hạn và khả năng đương đầu với biến động thị trường và biến động giá cả.

Nguồn vốn dài hạn

Masan Resources điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp với danh mục hoạt động của các dự án. Việc dành 8.100 tỷ VND để tái cấu trúc khoản nợ hiện nay cùng với việc chuyển đổi Masan Resources thành Công ty đại chúng được xem là một bước tiến trong năm 2015 nhằm đảm bảo nguồn vốn thích hợp để hỗ trợ chiến lược dài hạn của Masan Resources. Việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM cho phép Công ty cắt giảm giảm chi phí huy động vốn bởi nó cung cấp "tính thanh khoản" cho người cho vay và các nhà đầu tư chiến lược, nhờ đó họ có thể quản lý rủi ro tốt hơn.

Năng lực lãnh đạo

Masan Resources, với tư cách là một doanh nghiệp có tầm quan trọng chiến lược tại Việt Nam và trên thị trường vonfram thế giới, sẽ tiếp tục phát huy vị trí tiên phong trên thị trường của mình để xây dựng nên những chuẩn mực mới về hiệu quả sản xuất, quản trị xã hội và doanh nghiệp và an toàn lao động trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản ở cấp quốc gia và quốc tế. Vị thế hàng đầu trong ngành cũng giúp Masan Resources luôn sớm nhìn ra các cơ hội sinh lời và qua đó đầu tư một cách chọn lọc nhằm tăng lợi nhuận của cổ đông. Masan Resources cũng tìm cách tác động một cách tích cực đến sự phát triển chính sách hỗ trợ của nhà nước và thực tiễn ngành bằng cách phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong nhóm vận động chính sách của ngành công nghiệp nội địa cũng như ngành công nghiệp quốc tế.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

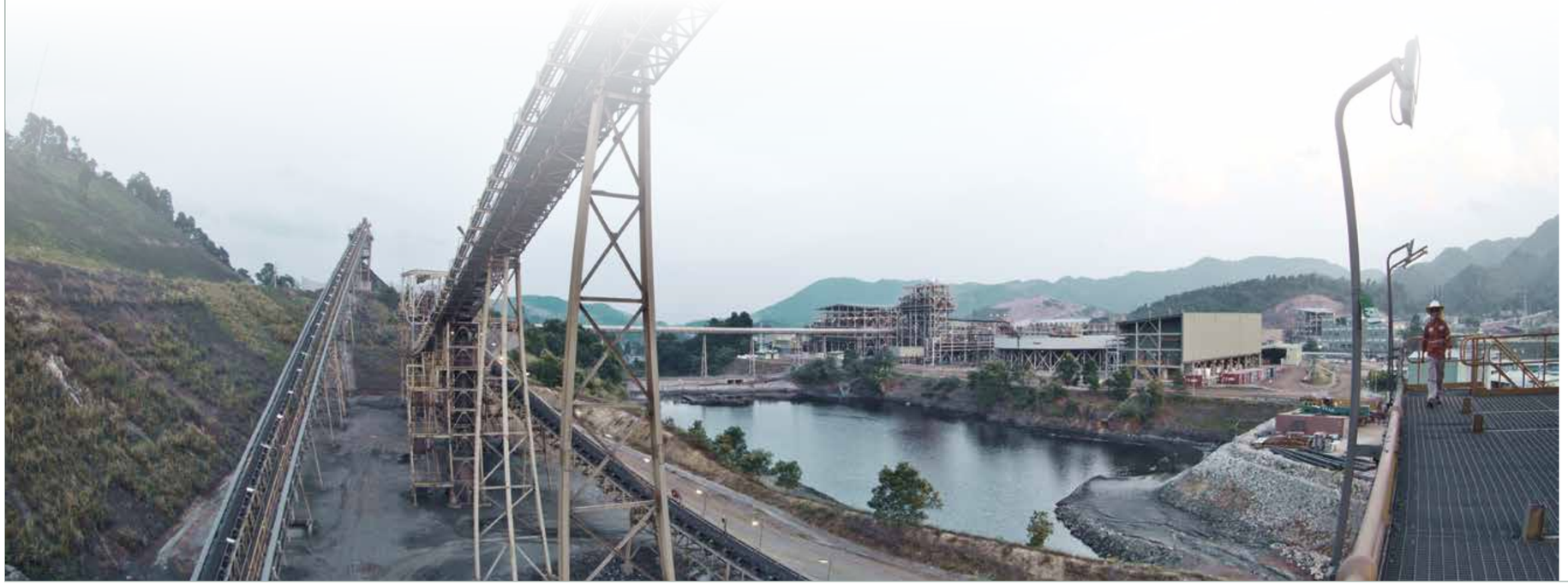

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu quản lý

Hội đồng Quản trị

Đội ngũ Quản lý

Ban Kiểm soát

CƠ CẤU TỔ CHỨC

CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
Trụ sở	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0309966889 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 13 ngày 06 tháng 5 năm 2016
Vốn điều lệ đăng ký	:	7.194.473.280.000 VND
Vốn góp chủ sở hữu	:	7.194.473.280.000 VND
Website	:	www.masangroup.com/masanresources
Các hoạt động kinh doanh	:	• Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường) và; • Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu doanh nghiệp của Masan Resources được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

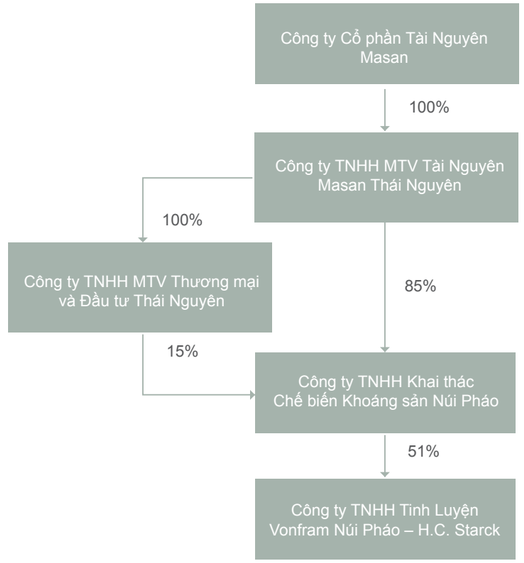

CÁC CÔNG TY CON HỢP NHẤT

Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (MRTN)

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
Địa chỉ	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 17 tháng 6 năm 2016
Vốn điều lệ đăng ký	:	5.140.335.573.000 VND
Vốn góp chủ sở hữu		5.140.335.573.000 VND
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	• Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: nghiên cứu thị trường); và • Tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (TNTI)

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
Địa chỉ	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	1.624.861.500.000 VND
Vốn góp chủ sở hữu	:	1.624.861.500.000 VND
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	• Tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán); • Quảng cáo; • Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: nghiên cứu thị trường); • Khai thác các khoáng sản hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính); • Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính); • Xúc tiến thương mại; và • Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

TNTI được thành lập vào tháng 10 năm 2010 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. TNTI nằm trong nhóm các công ty được thành lập để phát triển dự án Núi Pháo bao gồm MRTN, Công ty Núi Pháo và TNTI.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ	:	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 37182490
Fax	:	+84 4 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	:	4.789.010.000.000 VND
Vốn góp chủ sở hữu	:	4.789.010.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	100% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	• Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng); • Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; • Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước (thăm dò khoáng sản)); • Các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khai thác mỏ và quặng khác (ngoài các mục nêu trên); • Sản xuất quặng kim loại quý hiếm; • Bán kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng); • Hoạt động tư vấn quản lý; • Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; và • Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck (Nui Phao – H.C. Starck)

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck
Địa chỉ	:	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 73075588
Fax	:	+84 4 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 15 tháng 1 năm 2014, như được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2016
Vốn điều lệ đăng ký	:	789.060.360.000 VND
Vốn góp chủ sở hữu	:	789.060.360.000 VND
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	:	51% vốn điều lệ
Các hoạt động kinh doanh	:	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

CƠ CẤU QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm 6 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 năm và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Họ & tên	Chức vụ	Thành viên độc lập/ thành viên điều hành/ không điều hành	Ngày bổ nhiệm
Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch	Thành viên độc lập	20/12/2013
TS. Nguyễn Đăng Quang	Thành viên	Thành viên không điều hành	18/02/2013
Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên	Thành viên không điều hành	18/02/2013
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Thành viên độc lập	22/4/2016
Ông Dominic John Heaton	Thành viên	Thành viên điều hành	22/4/2016
Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên	Thành viên không điều hành	06/11/2014

Ông Chetan Prakash Baxi
Chủ tịch HĐQT

TS. Nguyễn Đăng Quang
Thành viên

Ông Nguyễn Thiều Nam
Thành viên

Ông Nguyễn Văn Thắng
Thành viên

Ông Dominic John Heaton
Thành viên

Ông Jonathan David Fiorello
Thành viên

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Họ & tên	Chức vụ
Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc
Ông Nikhil Kamran	Quyền Giám đốc Tài chính

Ông Dominic John Heaton *(Tổng Giám đốc)*

Ông Heaton phụ trách phát triển dự án Núi Pháo, lãnh đạo hoạt động thăm dò khoáng sản của Masan Resources và xây dựng Công ty thành một công ty tài nguyên quy mô lớn với tài sản đa dạng. Trong sự nghiệp làm việc trong ngành khai khoáng, ông Heaton đã từng quản lý các dự án ở khu vực xa xôi tại Úc, Papua New Guinea, Indonesia và CHDCND Lào. Trước khi gia nhập Masan Resources, ông đã từng nắm giữ nhiều cương vị quản lý cấp cao tại các Công ty Aurora Gold/ Oxiana/ OZ Minarals/ MM group.

Ông Heaton hiện đang là thành viên của Viện Khai thác và Luyện kim Úc, Viện Giám đốc doanh nghiệp Úc, đồng thời là thành viên điều hành của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA).

Ông Nikhil Kamran (*Quyền Giám đốc Tài chính)*

Ông Kamran có hơn 11 năm kinh nghiệm về tài chính trong các lĩnh vực bất động sản, công nghiệp giải trí, du lịch khách sạn, nông nghiệp và truyền thông.

Trước khi tham gia Masan Resources, ông Kamran là Giám đốc Tài chính của một công ty cổ phần tư nhân, nơi ông xây dựng và quản lý các nội dung công việc thuộc các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, mua bán sáp nhập và IPO. Trong thời gian này, ông Kamran đồng thời kiêm nhiệm vị trí Giám đốc điều hành của một Công ty đầu tư Châu Á có lợi ích trong lĩnh vực tài nguyên và có mối quan hệ công việc với nhiều doanh nghiệp thuộc khối Nhà nước và tư nhân. Ông Kamran tốt nghiệp trường Đại học Pennsylvania, Mỹ.

Cơ cấu quản lý hợp nhất của Masan Resources

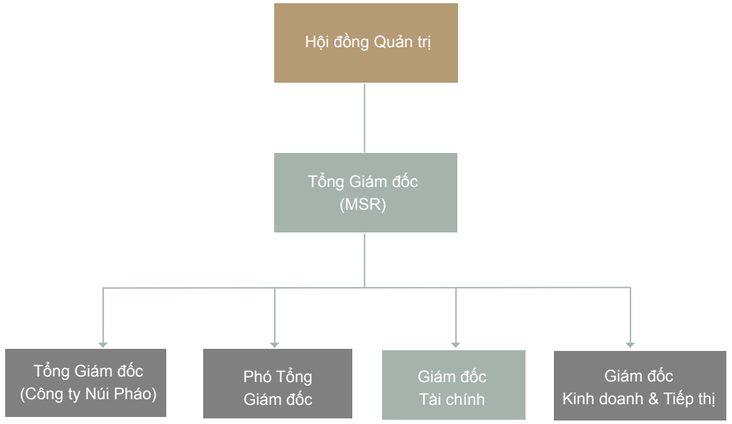

Ghi chú *Thành viên Ban Giám đốc của MSR*

Hội đồng thành viên Công ty Núi Pháo

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch và Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty Núi Pháo. Theo Điều lệ, Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Núi Pháo và gồm tối đa 4 thành viên, trong đó MRTN được bổ nhiệm tối đa 3 thành viên và TNTI được bổ nhiệm tối đa 1 thành viên.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty Núi Pháo. Chủ tịch Hội đồng Thành viên do MRTN đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách Hội đồng thành viên Công ty Núi Pháo

Họ & tên	Chức vụ
TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên

TS. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Thắng
Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Thiều Nam
Thành viên

Ông Chetan Prakash Baxi
Thành viên

Ban điều hành của Công ty Núi Pháo

Ông Craig Bradshaw
Tổng Giám đốc

Ông Bradshaw có trên 23 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, bán hàng và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của MM Group LXML mỏ Sepon ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trước đó, ông là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc.

Ông Vũ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng có hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án bao gồm 6 năm làm việc cho Ngân hàng Thế giới tại các quốc gia khác nhau như Việt Nam, CHDCND Lào, Đông Timor, Trung Quốc và Philippines. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy Lợi, Hà Nội, Việt Nam và có bằng Thạc sĩ Thủy văn của Đại học Roorkee, Ấn Độ.

Ông Vũ Hồng hiện đang là thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (VAGME).

Ông Nikhil Kamran
Quyền Giám đốc Tài chính

Ông Kamran có hơn 11 năm kinh nghiệm về tài chính trong các lĩnh vực bất động sản, công nghiệp giải trí, du lịch khách sạn, nông nghiệp và truyền thông.

Trước khi tham gia Masan Resources, ông Kamran là Giám đốc Tài chính của một công ty cổ phần tư nhân, nơi ông xây dựng và quản lý các nội dung công việc thuộc các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, mua bán sáp nhập và IPO. Trong thời gian này, ông Kamran đồng thời kiêm nhiệm vị trí Giám đốc điều hành của một Công ty đầu tư Châu Á có lợi ích trong lĩnh vực tài nguyên và có mối quan hệ công việc với nhiều doanh nghiệp thuộc khối Nhà nước và tư nhân. Ông Kamran tốt nghiệp trường Đại học Pennsylvania, Mỹ.

Ông Tony Fitzgerald
Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị

Ông Fitzgerald có trên 25 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp kim khí trải rộng trong một số hàng hóa và sản phẩm từ đồng tinh chế, kẽm, chì và tinh quặng.

Ông Fitzgerald đã làm việc với các Công ty Pasminco, MIM, Xstrata, Transamine và Louis Dreyfus trong lĩnh vực tiếp thị, bán hàng quốc tế, kinh doanh kim khí, phát triển kinh doanh và các hoạt động logistics. Ông Fitzgerald có bằng cử nhân nghiên cứu đa ngành, tại Đại học Victoria, Úc.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Họ & tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban Ban Kiểm soát	05/5/2015
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên	22/4/2016
Ông Tung Hoang Nguyen	Thành viên	22/4/2016

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên là trưởng Ban Kiểm soát của MSR, và là Kế toán trưởng của MSN. Bà Duyên chịu trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính, thông báo cũng như quản lý các vấn đề tài chính tại MSN. Trước khi gia nhập MSN, bà Duyên từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc sỹ Kế toán của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA).

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên của Ban Kiểm soát của MSR, và là Trưởng ban Kiểm soát của cả MSN và MSC. Ông Lâm gia nhập Masan Group từ năm 2001 và giữ nhiều vị trí cấp cao về tài chính ở các công ty của Masan Group. Ông Lâm có bằng Kỹ sư Kinh tế Mỏ.

Ông Tung Hoang Nguyen

Ông Tung Hoang Nguyen là thành viên Ban Kiểm soát của MSR và là Giám đốc Tài chính của Masan Consumer Holdings. Ông Tung từng là Giám đốc Tài chính của Masan Nutri-Science. Trước khi gia nhập Masan Group, ông Tung từng nắm giữ các vị trí cấp cao về tài chính tại các tập đoàn của Canada. Ông Tung có bằng Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh về Hoạch định chiến lược và bằng Thạc sỹ Kế toán Quốc tế. Ông Tung còn là thành viên của Hiệp hội Kế toán Canada (CPA).

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

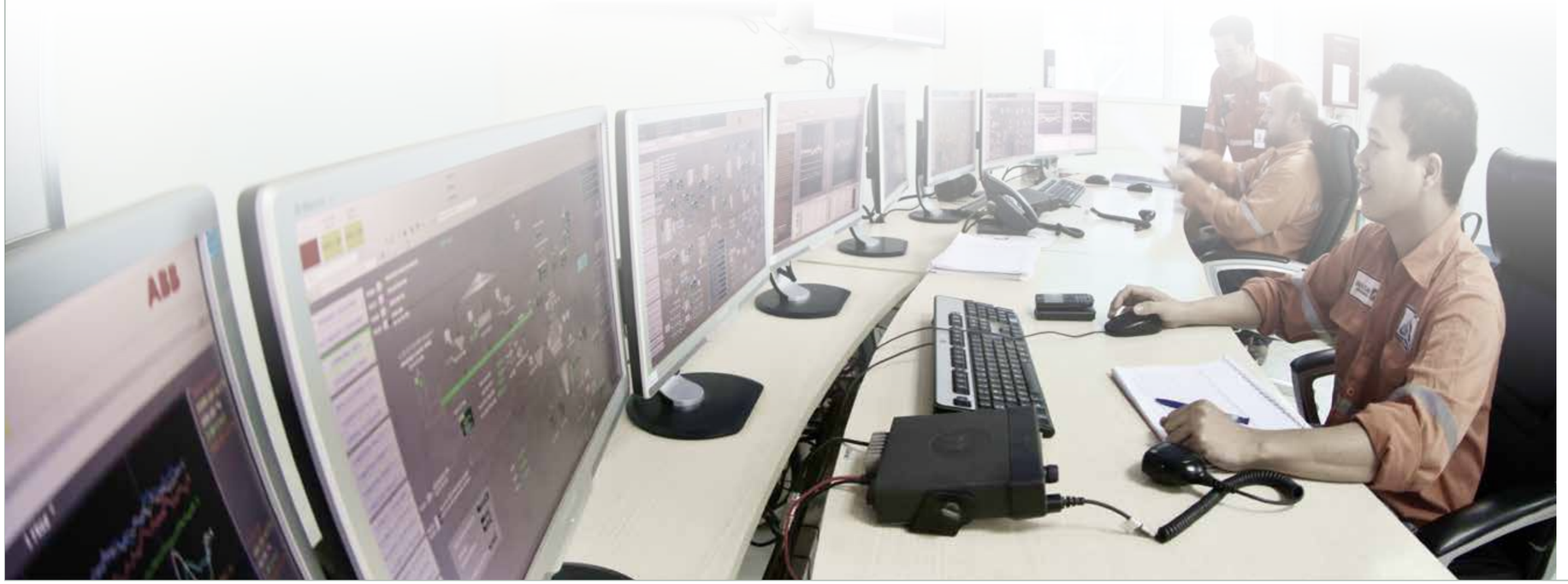

Báo cáo Định hướng Kinh doanh

Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị

Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát

Báo cáo Quản trị Công ty

Báo cáo Quản lý Nhân sự

Báo cáo Quản lý Rủi ro

BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

VỚI VỊ THẾ LÀ MỘT NHÀ SẢN XUẤT CHI PHÍ THẤP, NÚI PHÁO THU HÚT CÁC ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC CÓ MONG MUỐN ĐẢM BẢO NGUỒN CUNG ỔN ĐỊNH

BỨC TRANH KINH TẾ NĂM 2016

Đầu tư toàn cầu ảm đạm, dòng chảy thương mại ngày càng giảm, mức tăng năng suất thấp và nợ quốc gia cao là những nguyên nhân khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 2,2%, mức tăng trưởng thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2009. Sự chững lại trong năm 2015 của các thị trường đang phát triển và mới nổi vẫn tiếp tục diễn ra trong năm 2016. Nhìn chung, các quốc gia phát triển từng chứng kiến sự gia tăng sản lượng vào năm 2015 đều xảy ra tình trạng giảm sản lượng kinh tế trong suốt năm 2016.

Sự suy giảm rõ rệt về tăng trưởng đầu tư được ghi nhận ở nhiều nền kinh tế lớn đã và đang phát triển. Lượng cầu thấp trong thời gian dài trên toàn cầu khiến kích thích đầu tư giảm. Đồng thời, những bất ổn về kinh tế - chính trị cũng ảnh hưởng lớn đến mức độ đầu tư. Nguồn tài chính thiếu hụt cũng là một trở ngại trong một số trường hợp, đặc biệt là đối với các quốc gia có các ngân hàng luôn trong tình trạng thiếu vốn hoặc có thị trường tài chính kém phát triển. Bất kể việc thu lợi từ trái phiếu thấp kỷ lục, thường là âm, chính phủ các nước phát triển đã cắt giảm các khoản đầu tư công, thể hiện việc phải điều chỉnh các chính sách tài khóa để bù đắp mức nợ chính phủ cao.

Trao đổi thương mại thế giới đang trong tình trạng ngưng trệ. Tăng trưởng thương mại thế giới suy giảm vừa là một nhân tố góp phần vừa là dấu hiệu của tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu. Khối lượng giao dịch thương mại thế giới chỉ tăng 1,2% trong năm 2016, ở mức thấp thứ ba trong vòng 30 năm qua.

Do mối quan hệ mật thiết giữa lượng cầu, năng suất, đầu tư và thương mại, nên thời gian kéo dài tình trạng suy giảm tăng trưởng toàn cầu có thể tiếp tục duy trì nếu không có các nỗ lực thực hiện chính sách tập trung để phục hồi đầu tư và phục hồi tăng năng suất.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA NĂM 2016

2016 là một năm đánh dấu sự biến động thị trường mà nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ sự bất ổn chính trị. So với mức giá cuối năm 2015 thì giá hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2016 đã tăng nhẹ do thị trường đã tái cân bằng nhanh hơn dự kiến nhờ nỗ lực của Trung Quốc trong việc bình ổn giá bằng cách cắt giảm sản lượng và áp dụng các chính sách về môi trường nghiêm ngặt hơn. Trong 6 tháng đầu năm 2016, giá vonfram đã tăng 18% và florit tăng 12%.

Trong 6 tháng cuối năm 2016, các tiêu điểm nổi bật toàn cầu chủ yếu liên quan tới những biến động chính trị ở cả hai bờ Đại Tây Dương đã khiến thị trường quay trở lại tình trạng bất ổn giống năm 2015. Theo đó, giá giao dịch hàng hóa đổi chiều giảm đã lấy lại phần lớn lợi nhuận thu được trong 6 tháng đầu năm 2016.

Giá trung bình các hàng hóa	ĐVT	Trung bình năm 2016	Trung bình năm 2015	% thay đổi	Tại 31/12/2016	Tại 31/12/2015
Giá APT châu Âu thấp nhất*	$/mtu	182	217	-16%	187	170
Giá Bismut thấp nhất*	$/lb	4,3	6,1	-30%	4,6	4,1
Đồng*	$/t	4.863	5.494	-11%	5.501	4.702
Fluorspar cấp axit**	$/t	260	283	-8%	260	250

** Theo tạp chí Metals bulletin*
*** Theo Industrial minerals*

Tin tức về sự kiện Brexit vào thời điểm giữa năm 2016 đã tạo ra những cú sốc trên thị trường toàn cầu. Các nhà đầu tư rút vốn và tìm đến các kênh đầu tư an toàn hơn, có lợi hơn tại thời điểm đỉnh điểm của tình trạng bất ổn và hầu hết các hàng hóa liên quan đến GDP đều bị sụt giảm giá đáng kể. Phản ứng trước sự kiện Brexit, các thị trường trở nên ảm đạm do tâm lý "chờ đợi" diễn biến tiếp theo. Từ mức giá cao của năm ghi nhận trong tháng 5, giá vonfram đã giảm mất 15% vào các tháng sau đó.

Sau cú sốc của sự kiện Brexit là sự hoài nghi đối với kết quả của cuộc bầu cử liên bang Mỹ vào tháng 11. Chính vì vậy, xảy ra tình trạng các nhà đầu tư chuyển vốn vào các kênh đầu tư an toàn hơn như thay vàng bằng các hàng hóa liên quan đến GDP như vonfram, florit và đồng. Lý giải hợp lý cho khuynh hướng vận động của giá như vậy là do các chính sách bảo hộ tăng trưởng của Tổng thống Mỹ Donald Trump đưa ra. Giá vonfram đã giảm xuống dưới 175 USD / mtu sau sự kiện Brexit đã tăng lên 187 USD / mtu vào cuối năm 2016.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2017

Như chúng ta đều biết, sự biến động giá đối với hầu hết các hàng hóa trong năm 2016 là do sự thay đổi tâm lý của người tiêu dùng và nhà đầu tư trước các sự kiện trên thị trường và sự thay đổi chính sách. Năm 2017 được cho là sẽ không có sự khác biệt dù xuất hiện những dấu hiệu của sự tăng trưởng nhẹ của nền kinh tế nhưng kèm theo rủi ro đáng kể của các sự kiện tiêu cực.

Theo thỏa thuận giữa một số nhà sản xuất trong Tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ (OPEC) và những nhà sản xuất không thuộc OPEC sẽ có sự cắt giảm sản lượng dầu từ nửa đầu năm 2017, tuy nhiên không có gì chắc chắn về việc thực hiện thỏa thuận này. Trong trường hợp thỏa thuận được thực hiện thành công, giá dầu thô dự kiến sẽ tăng lên có thể thúc đẩy các hoạt động khoan thăm dò mới ở khu vực Bắc Mỹ, từ đó có thể thổi một luồng khí mới vào nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, chẳng hạn như vonfram. Lượng cầu về các sản phẩm vonfram cũng có thể được kỳ vọng tăng nếu chính sách thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng trong nước của Tổng thống Mỹ Donald Trump được hiện thực hóa.

Hiện tại, nền kinh tế Trung Quốc đang thu lợi từ việc cắt giảm lãi suất trước đó, nhưng không được kỳ vọng là yếu tố kích thích mới cũng như các biện pháp tiếp theo để thắt chặt tăng trưởng tín dụng nhằm kiểm soát đầu cơ mua bán bất động sản của nước này. Sự khởi đầu của năm 2017 dường như không rõ ràng đối với nhà tiêu thụ hàng hoá lớn nhất này và mức độ kích thích mà Trung Quốc đưa ra (nếu có) để đạt được các mục tiêu tăng trưởng, sẽ được giám sát chặt chẽ. Khi chính sách của Trung Quốc về kích thích và tăng trưởng tín dụng trở nên rõ ràng hơn trong năm 2017, với việc sử dụng lượng lớn vonfram và đồng trong ngành xây dựng, thì hy vọng giá hàng hóa có thể biến chuyển tích cực hơn.

Các nhà đầu tư và người tiêu dùng được cho là sẽ theo sát các hành động của Tổng thống Donald Trump, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Chính phủ Trung Quốc và OPEC trong năm 2017. Bất kỳ sai lệch nào ngoài kết quả dự kiến từ việc thực hiện các chính sách và sự kiện nói trên trong năm 2017 đều có thể dẫn đến biến động giá cả trên thị trường lại tiếp diễn.

PHÂN TÍCH QUẢN LÝ KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

Với sản lượng kỷ lục, đơn đặt hàng vượt mức cung và kiểm soát chi phí chặt chẽ, năm 2016 tiếp tục là một năm có lợi nhuận bất chấp giá vonfram đã rớt xuống dưới mức giá trung bình năm 2015.

Trong khi các nhà sản xuất khác, do yếu tố giá cả thấp và khôn lường, hoặc phải vật lộn với các cam kết cung cấp hàng hóa hoặc bị ngừng hoạt động hoặc cả hai, thì nguồn cung từ mỏ Núi Pháo vẫn tăng lên cả về số lượng, chất lượng cũng như độ tin cậy. Do đặc tính chiến lược của vonfram và florit, những thành tựu của Núi Pháo trong năm 2016 đã thu hút được sự chú ý của các khách hàng trên thị trường, khiến lượng cầu gia tăng áp đảo. Kết quả là toàn bộ sản phẩm sản xuất năm 2016 đều được bán hết hoặc dự kiến vận chuyển vào đầu năm 2017. Hơn nữa, với danh tiếng Núi Pháo là một nhà sản xuất vonfram có chi phí sản xuất thấp có thể trụ vững trong điều kiện khắc nghiệt nhất về giá hàng hóa đã giúp Công ty đạt được thỏa thuận về các hợp đồng cung ứng dài hạn với các đối tác chiến lược, những đối tác này có mong muốn hợp tác với các nhà cung cấp ngoài Trung Quốc nhằm đảm bảo nhu cầu của họ về nguồn cung ổn định và an toàn.

Mặc dù, triển vọng thị trường chưa rõ ràng, nhưng Công ty vẫn có khả năng sinh lời nhờ sự ổn định sản xuất cũng như trên 85% sản lượng theo kế hoạch đã được cam kết bán cho các đối tác khách hàng có uy tín trên thế giới.

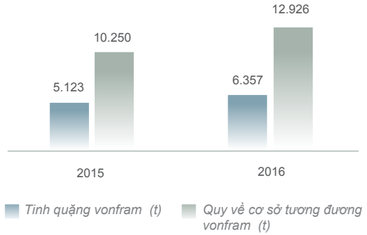

Sản lượng hàng năm

Năm 2016, Công ty đạt kỷ lục về sản lượng đối với tất cả các mặt hàng. Quy về cơ sở tương đương với vonfram, tổng sản lượng đã tăng 26% so với năm trước, trong đó sản lượng vonfram tăng 24%, đồng tăng 17% và florit cấp axit tăng 34%. Các chỉ số sản xuất chính của nhà máy đều được cải thiện nhờ áp dụng các sáng kiến cải tiến sản xuất. Các dự án đầu tư được thực hiện trong năm 2016 và năm 2017 kỳ vọng sẽ giúp tăng sản lượng và tỷ lệ thu hồi vonfram.

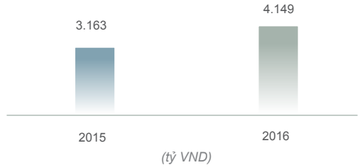

Doanh thu tiền mặt ròng

Doanh thu tiền mặt thuần tăng lên mức 4.149 tỷ VND, tăng 31% so với năm 2015. Sản lượng kỷ lục giúp Công ty đạt mức doanh thu kỷ lục. Tất cả các sản phẩm đều được bán hết và tiếp tục còn nhiều đơn đặt hàng chưa cung cấp. Sản xuất và chất lượng ổn định đã giúp gia tăng nguồn cầu từ đó tăng doanh thu tiền mặt năm 2017 do sản lượng tăng nhờ các dự án đầu tư đang được thực hiện.

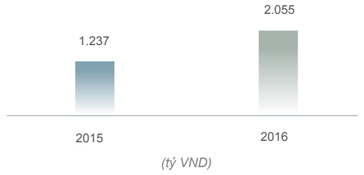

EBITDA

Trong một bối cảnh giá cả hàng hóa vẫn đang trong quá trình hồi phục nhờ việc tái cân bằng cung - cầu trên thế giới thì việc duy trì kiểm soát chi phí vẫn là trọng tâm cốt lõi. Việc tối ưu hóa cơ cấu chi phí của Công ty đã giúp EBITDA tăng trưởng 66% trong năm. Dự án Núi Pháo, một trong những nhà sản xuất vonfram hàng đầu thế giới, tiếp tục hoạt động với chi phí sản xuất thuộc nhóm tứ vị phân thấp nhất, giữ vững vị trí là nhà cung cấp đáng tin cậy trong mọi điều kiện biến động về giá.

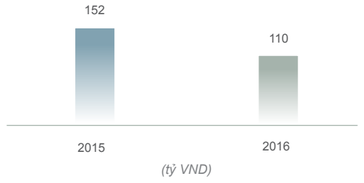

Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông

Masan Resources báo cáo lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty năm 2016 là 110 tỷ VND. Khả năng giảm chi phí tiền mặt trong khi tăng năng suất tổng thể đã đem lại lợi nhuận thuần tích cực trong năm. Tình trạng sụt giá hàng hóa tiếp tục là nguyên nhân chính làm giảm khả năng sinh lời. Bất kỳ sự tăng giá nào sẽ trực tiếp làm tăng lợi nhuận thuần.

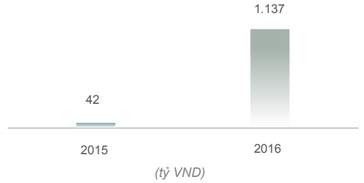

Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 đánh dấu một năm mà dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã có bước cải thiện to lớn, tăng lên 1.137 tỷ VND tính đến cuối năm 2016. Sự gia tăng dòng tiền mặt tích cực là do những thay đổi có kế hoạch về quản lý vốn lưu động. Năm 2017, Công ty dự định tiếp tục đàm phán với các đối tác nhằm cải thiện hơn nữa các luồng di chuyển vốn lưu động.

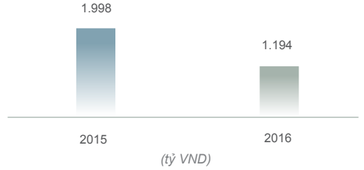

Dòng tiền từ các hoạt động đầu tư

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư đã giảm 804 tỷ VND vào năm 2016. Chi phí vốn phát sinh trong năm 2016 bao gồm việc xây dựng đập chứa quặng đuôi, các dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng cộng đồng và cải tiến nhà máy chế biến. Phần lớn các dự án chi phí vốn đều được thực hiện và hoàn thành trong năm. Chi phí vốn trong năm 2017 dự kiến sẽ tương đương năm 2016 khi Công ty thực hiện giai đoạn tiếp theo của các sáng kiến sản xuất cho phép thu hồi vàng và tăng tỷ lệ thu hồi vonfram.

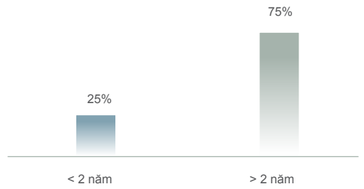

Dòng tiền từ hoạt động tài chính và nợ đáo hạn

Việc tái cấu trúc các khoản vay trung hạn của Công ty thông qua phát hành trái phiếu 2 năm với tổng giá trị 1.000 tỷ VND không chỉ làm giảm chi phí cấp vốn mà còn duy trì mục tiêu quản lý nợ đáo hạn tốt hơn để phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh và tầm nhìn dài hạn của Công ty. Năm 2017, Công ty tiếp tục tập trung vào cắt giảm chi phí cấp vốn thông qua việc tái cấp vốn một phần của gói trái phiếu trị giá 8.100 tỷ VND đáo hạn vào năm 2020.

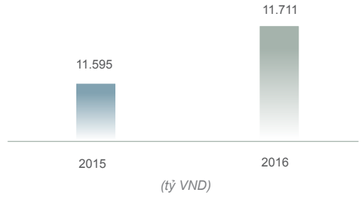

Tài sản ròng và vốn chủ sở hữu

Tài sản ròng / vốn chủ sở hữu đã tăng 1%, lên mức 11.711 tỷ VND trong năm 2016 so với 11.595 tỷ VND năm 2015. Mức tăng này chủ yếu là do tăng tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn, số dư tiền mặt và giảm nợ ngắn hạn. Những luồng di chuyển tích cực này được bù trừ rất lớn bằng việc giảm các khoản nợ phải thu và chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỘT NĂM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ BẤT KỂ LIÊN TỤC CHỊU SỨC ÉP VỀ GIÁ CỦA SẢN PHẨM

Kính thưa các Cổ đông,

Năm 2016 là năm Masan Resources (MSR) hoạt động hiệu quả trong bối cảnh liên tục chịu sức ép về giá. Việc sở hữu mỏ vonfram lớn nhất thế giới với trữ lượng 66 triệu tấn cùng với việc không ngừng tập trung nâng cao hiệu quả chi phí trong năm 2016 đã giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh của MSR lên đáng kể để chiếm lĩnh thị trường.

Chúng tôi rất vui mừng được điểm lại các kết quả hoạt động tiêu biểu trong năm 2016 như sau:

Sản lượng

Một lần nữa Công ty đạt kỷ lục về sản lượng đối với tất cả các mặt hàng của Công ty. Trên cơ sở quy đổi tương đương vonfram, sản lượng đã tăng hơn 26% so với năm trước. So với năm 2015, sản lượng vonfram và bismut đã tăng lần lượt là 24% và 51%. Việc gia tăng lượng quặng được chế biến, tăng tỷ lệ thu hồi và các thông số quan trọng khác của nhà máy là thành quả trực tiếp đạt được từ các dự án đầu tư có định hướng đã được thực hiện trong cả năm 2016, và chúng tôi kỳ vọng rằng những thành quả này sẽ được phát huy hơn nữa trong năm 2017.

Công ty liên doanh của Núi Pháo (Liên doanh) sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng vonfram chất lượng cao như APT, BTO và YTO đã chứng minh được khả năng vận hành nhà máy với công suất cao. Những thành tựu kỷ lục về sản lượng và doanh số bán hàng là một minh chứng cho những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty Liên doanh.

Nhân lực

Cuối năm 2016, tổng số nhân viên dự án Núi Pháo là 1.027 người với tỷ lệ chuyên gia người nước ngoài chiếm 9%. Bên cạnh đó, các nhà thầu của dự án hiện đang sử dụng khoảng 600 lao động. Năm 2016, chúng tôi tiếp tục phát triển Học viện MSR, đây được coi là công cụ đào tạo và phát triển nhân sự cơ bản của MSR. Công ty cũng đã hợp tác với một số trường đại học và các cơ sở đào tạo trong nước để xây dựng thư viện lớn mạnh về kỹ thuật và kỹ năng mềm phục vụ đào tạo cán bộ công nhân viên. Đã có 528 nhân viên bao gồm giám sát cấp cao, nhân viên lâu năm và nhân viên mới đã tham dự rất nhiều các khóa đào tạo theo chủ đề trong năm 2016, kết quả là tăng tỷ lệ được nâng cấp kỹ năng trong cán bộ công nhân viên của Công ty lên tới 210%. Trọng tâm và cam kết của chúng tôi vẫn là tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động tại địa phương - nơi thực hiện Dự án. Điều này đảm bảo Công ty luôn có những nhân sự phù hợp với các kỹ năng thích hợp, trong khi vẫn tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương hưởng lợi từ Dự án.

An toàn lao động

Năm 2016, tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận là 0,0 (năm 2015 là 0,54) và tỷ lệ tai nạn gây mất giờ công là 0,0 (năm 2015: 0,0) tính trên mỗi triệu giờ lao động. Kết quả này đã đưa Công ty vào vị thế vững chắc trong nhóm các mỏ có thông số an toàn tốt nhất thế giới, đây là điều mà Công ty và các cổ đông của Công ty đều thấy đáng tự hào. Những nỗ lực không ngừng trong công tác an toàn đã giúp Công ty đạt kỷ lục trên 18 triệu giờ lao động liên tục mà không xảy ra bất kỳ tai nạn nào gây mất giờ công, tính đến tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm xã hội & môi trường

Năm 2016, Công ty luôn tuân thủ các quy định và thực hiện các cam kết về xã hội và môi trường đối với cộng đồng, đồng thời tiếp tục vận hành theo phương thức bền vững và thân thiện với môi trường. Chúng tôi tin rằng việc phát triển bền vững là rất quan trọng và ngay từ những ngày đầu tiên, Masan Resources đã tuân thủ các tiêu chuẩn cao của Việt Nam và quốc tế.

Gắn kết cộng đồng

Đối với MSR, thực hiện thành công các hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương không chỉ thể hiện ở các giải pháp kỹ thuật; mà còn liên quan đến việc tạo dựng mối quan hệ, sự hài hòa và cân bằng lợi ích giữa các bên.

Thực hiện nghiêm túc cam kết với cộng đồng, năm 2016, Công ty đã sử dụng khoản ngân sách khoảng 3,7 tỷ VND cho các sáng kiến phát triển cộng đồng, bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ khuyến nông, phát triển quỹ phục hồi kinh tế và các hoạt động trách nhiệm xã hội khác.

Đặc biệt, trong năm 2016, Công ty đã đầu tư 1.221 triệu VND để xây dựng và nâng cấp nhiều công trình cho cộng đồng như nhà văn hóa, đường bê tông, đường nhựa, hệ thống tưới tiêu và cải tạo nâng cấp một hệ thống cầu tràn tại các xã bị ảnh hưởng.

Trong năm 2016, việc tổ chức các buổi đối thoại của Công ty với cộng đồng địa phương đã đem lại lợi ích cho cả đôi bên. Hơn 4.000 nội dung thông tin về Công ty đã được công bố; hơn 600 lượt khách đến tìm hiểu thông tin qua Trung tâm thông tin tại công trường. Bên cạnh đó, trong năm 2016 chúng tôi đã tổ chức 45 buổi họp với cộng đồng với tổng số 705 người tham dự. Liên quan đến cơ chế khiếu nại thắc mắc, vẫn còn tồn tại một số khiếu nại phức tạp chưa giải quyết được ngay do cần có sự tham gia giải quyết của bên thứ ba hoặc các cơ quan quản lý nhà nước.

Những kết quả trong quan hệ cộng đồng thể hiện cam kết của chúng tôi trong việc duy trì và xây dựng đối thoại chân thành, trao đổi thông tin minh bạch, kịp thời và hai chiều; đồng thời cân nhắc lợi ích của cộng đồng trong quá trình ra quyết định. Đây là những thành quả then chốt để xây dựng mối quan hệ tin cậy trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và để quản lý các rủi ro nảy sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tài chính

Công ty được xếp vào nhóm cổ phiếu "hạng sang" trên sàn chứng khoán UPCOM Hà Nội. Điều này cho thấy sự ghi nhận về tầm quan trọng và vị thế Công ty với các khách hàng và đối tác toàn cầu.

Công ty cũng đã thể hiện sự trưởng thành từ việc phát hành Báo cáo thường niên đầu tiên và tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông Thường niên lần thứ nhất kể từ khi giao dịch trên sàn UP-COM vào tháng 4 tại Hà Nội với sự tham gia của hơn 210 cổ đông.

Ghi nhận và Giải thưởng

Năm 2016, Công ty tiếp tục được vinh danh với một số các giải thưởng. Đáng kể nhất là Công ty đã được xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do tổ chức Viet Nam Report bình chọn. Việc ghi nhận từ một bên thứ ba thể hiện năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty ở cả trong nước và quốc tế.

Phát triển thương hiệu Masan Resources trên toàn cầu

Với đặc thù chiến lược kinh doanh của MSR, chúng tôi không ngừng tập trung phát triển Masan Resources thành một thương hiệu toàn cầu. Công ty đã tham dự và thuyết trình thành công tại một số diễn đàn của ngành ở trong nước và quốc tế, trong đó phải kể đến Hội nghị Thượng đỉnh ngành Công nghiệp Vonfram lần thứ 7 tổ chức vào tháng 3 ở Quảng Châu, Tuần lễ Kim loại Argus tổ chức vào tháng 3 ở London, Hội nghị thường niên của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) tổ chức vào tháng 9 tại Stockholm và Hội nghị Khoáng sản Công nghiệp Florit tổ chức ở Toronto vào tháng 10 năm 2016.

Trong năm tới, Ban Giám đốc sẽ tiếp tục thực hiện các cam kết của Công ty bằng cách đầu tư thời gian và công sức để làm việc trực tiếp với các khách hàng, phát triển các sản phẩm có chất lượng ngày càng cao và thực hiện kế hoạch kinh doanh như phương hướng đã đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016. Công ty dự kiến sẽ tăng cường tham gia vào các diễn đàn của ngành để có ứng dụng thực tiễn tốt nhất, đồng thời hợp tác với các viện nghiên cứu để cải tiến hiệu suất thế hệ tiếp theo giúp nâng cao năng suất và tăng tỷ lệ thu hồi. Nhất quán các cam kết của mình, Công ty sẽ tiếp tục phát triển chương trình tái định cư và phục hồi kinh tế để bảo đảm rằng các lợi ích của dự án đều được chia sẻ với các cổ đông và với những người dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi Dự án cũng như với cộng đồng địa phương.

Cuối cùng, chúng tôi cam kết sẽ không ngừng nâng cao tính tuân thủ trong các hoạt động của Công ty và tiếp tục các sáng kiến minh bạch trong báo cáo.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

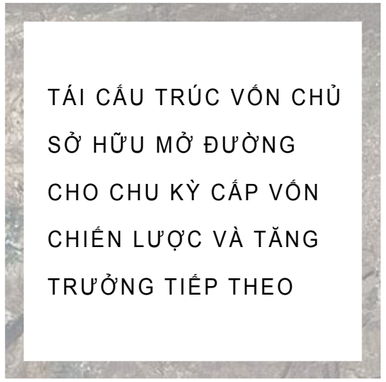

Kính thưa các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Masan Resources xin trân trọng gửi đến Quý Cổ đông báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2016 như sau:

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Trong nội dung báo cáo thường niên năm 2015, chúng tôi tập trung đề cập đến công cuộc kiến tạo giá trị có thể thực hiện được thông qua việc khai mở "Kho báu quốc gia" của Việt Nam, cả về khía cạnh nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực con người. HĐQT nhận thấy dưới sự lãnh đạo của Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện được những gì đã cam kết trong bối cảnh tất cả các mặt hàng của Công ty đều phải đối mặt với thị trường giá cả khốc liệt.

Ban Giám đốc đã thể hiện rằng họ không chỉ đơn thuần tập trung vào khai thác chế biến hàng hóa để xuất khẩu, mà hơn thế nữa - còn gia tăng chuỗi giá trị bằng cách đem về Việt Nam nhiều công nghệ và bí quyết khai thác sản xuất trong khi vẫn quản lý được chi phí phù hợp.

Với việc duy trì một kỷ lục về an toàn cùng với công tác phát triển Học viện MSR, Công ty tiếp tục chứng minh con người MSR thực sự là nguồn vốn nhân lực quý giá. Một lần nữa chúng tôi khẳng định lại những gì đã đề cập trước đó: "Chúng tôi nhìn nhận nhân lực Việt Nam không chỉ như nguồn lao động giá rẻ, mà là một thế hệ kế cận đầy tài năng, sáng tạo và đam mê, những người sẽ dẫn dắt Việt Nam phát triển".

Niềm tin này củng cố cam kết của chúng tôi trong việc phát triển và vận hành một hệ thống sản xuất vonfram hàng đầu thế giới cùng với viêc đào tạo nhân tài địa phương. Đây cũng chính là ý nghĩa của việc "khai mở" kho báu quốc gia của Việt Nam. Nếu thành công, chúng ta không chỉ tạo ra giá trị cho các cổ đông, mà còn cho người dân Việt Nam nói chung.

Công ty tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn tốt nhất về môi trường, an toàn và cộng đồng. Về công tác an toàn, Công ty đã duy trì kỷ lục an toàn tầm cỡ thế giới, với 34 tháng làm việc liên tục mà không có tai nạn gây tử vong hoặc gây mất ngày công; đây thực sự là một kết quả phi thường. Công tác tái định cư cho cộng đồng vẫn tuân thủ Các nguyên tắc Xích đạo - vốn được coi là "tiêu chuẩn vàng" trong ngành công nghiệp.

Công ty Liên doanh tiếp tục sản xuất APT, YTO, BTO chất lượng cao đáp ứng nhu cầu quốc tế. Do nhu cầu của khách hàng luôn lớn hơn nguồn cung của nhà máy nên hiện nay Công ty Liên doanh không những vận hành theo công suất mà thậm chí còn vượt cả công suất thiết kế.

HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình trong việc xem xét và phê duyệt các nghị quyết về hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm 2016, tất cả các thành viên của HĐQT không nhận bất kỳ khoản thù lao nào cho các nghĩa vụ của họ với tư cách là thành viên của HĐQT và không có bất kỳ chi phí nào cho hoạt động của HĐQT.

Tháng 12/2016, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu 100% đã hoàn thành chào mua công khai cổ phần của Masan Resources, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng tỷ lệ sở hữu trong MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

Đánh giá của HĐQT về kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc tiếp tục quản lý Công ty một cách xứng đáng với niềm tin và hỗ trợ từ HĐQT và các cổ đông. Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác đã hoàn thành các nhiệm vụ và chức năng của mình trong năm 2016, cũng như đã thi hành đầy đủ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

Trách nhiệm của HĐQT là xem xét và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc thông qua các tiểu ban chức năng được thành lập năm 2016; và đây cũng sẽ là một phần nội dung được báo cáo trong thời gian sắp tới. Việc cải tiến công tác quản trị nội bộ trên đây cũng là phương thức nâng cao an toàn cho các khoản đầu tư của các bên liên quan, hay nói cách khác, là của các cổ đông của Công ty.

Kế hoạch và chỉ đạo của HĐQT

Mục tiêu của Công ty là cho thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam có thể dẫn dắt sự thay đổi của thị trường vonfram toàn cầu. Trong năm 2016, Công ty đã tiếp tục củng cố các giá trị cốt lõi và đạt được những dấu mốc phát triển để tiếp tục hướng đến việc xây dựng một thương hiệu hoạt động đẳng cấp thế giới.

HĐQT hoàn toàn ủng hộ những nỗ lực của Ban Giám đốc trong hoạt động xây dựng và phát triển Công ty. HĐQT thấy rằng những kế hoạch đề ra trong Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 đã được hiện thực hóa bằng kết quả sản xuất và tài chính, được chứng minh qua động lực tăng trưởng hiện hữu và sự gia tăng nhu cầu của khách hàng trên thế giới đối với các sản phẩm chất lượng cao của Công ty.

Hơn nữa, sự ghi nhận của các bên thứ ba thông qua các giải thưởng trong nước và những lời mời tham dự và thuyết trình trên các diễn đàn quốc tế đã thể hiện vị thế ngày càng quan trọng của Công ty đối với nhiều ngành công nghiệp cũng như cộng đồng trong và ngoài Việt Nam.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các Cổ đông,

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, Ban Kiểm soát xin báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016 với các nội dung như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

- Giám sát và kiểm tra việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Công ty trong năm 2016 của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động của Công ty trong năm 2016 theo các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2016.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên của Ban Kiểm soát và hoạt động của Ban Kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty con của Công ty.

Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2016:

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	1/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	**2.496.130.991**	**2.490.177.582**	**951.931**	**552.795**
Tiền và các khoản tương đương tiền	603.345.037	372.014.377	896.931	497.795
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.100.000	-	-
Các khoản phải thu - ngắn hạn	583.833.584	747.080.504	55.000	55.000
Hàng tồn kho	1.112.385.216	1.084.398.392	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	196.567.154	284.584.309	-	-
Tài sản dài hạn	**24.039.367.458**	**24.117.529.315**	**10.024.094.084**	**10.079.094.084**
Các khoản phải thu – dài hạn	1.379.457.775	1.401.308.413	4.883.758.511	4.938.758.511
Tài sản cố định	18.629.319.036	16.902.122.433	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	1.681.618.571	3.994.917.610	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	2.348.972.076	1.819.180.859	-	-
TỔNG TÀI SẢN	**26.535.498.449**	**26.607.706.897**	**10.025.046.015**	**10.079.646.879**
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**14.825.018.166**	**15.012.572.488**	**581.264.773**	**718.158.182**
Nợ ngắn hạn phải trả	3.518.587.636	3.971.178.995	40.190.598	65.834.559
Nợ dài hạn phải trả	11.306.430.530	11.041.393.493	541.074.175	652.323.623
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**11.710.480.283**	**11.595.134.409**	**9.443.781.242**	**9.361.488.697**
TỔNG NGUỒN VỐN	**26.535.498.449**	**26.607.706.897**	**10.025.046.015**	**10.079.646.879**

Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty tuân chủ chặt chẽ tất cả các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số liệu về kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2016:

Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Tập đoàn	
	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	131.491.833	76.729.078	82.295.487	(39.883.120)
Kết quả từ các hoạt động khác	(30.927.079)	(18.169.622)	(2.942)	-
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	100.564.754	58.559.456	82.292.545	(39.883.120)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.320.441	113.525	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(29.101.561)	(25.876.098)	-	-
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	115.345.874	84.322.029	82.292.545	(39.883.120)
Lợi nhuận/ (lỗ) thuần phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	109.841.024	152.135.747	82.292.545	(39.883.120)
Cổ đông không kiểm soát	5.504.850	(67.813.718)	-	-

Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện hợp lệ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong năm 2016.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b. Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

KẾT LUẬN

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và chấp hành đúng các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Số Nghị quyết 452/2016/NQ-ĐHĐCĐ

Ngày 22/4/2016

Nội dung

(i) Thông qua báo cáo của HĐQT về công tác quản lý và hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty;

(ii) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015;

(iii) Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;

(iv) Thông qua kế hoạch phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2015;

(v) Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán năm 2016 của Công ty;

(vi) Thông qua dự báo lợi nhuận của Công ty trong năm 2016;

(vii) Phê duyệt việc đổi tên Công ty và việc sửa đổi Điều lệ Công ty để ghi nhận việc đổi tên Công ty;

(viii) Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;

(ix) Thông qua việc HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021 bao gồm 06 thành viên;

(x) Thông qua kết quả bầu các thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021;

(xi) Thông qua việc Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021 bao gồm 03 thành viên;

(xii) Thông qua kết quả bầu các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021;

(xiii) Thông qua mức thù lao trong năm 2016 đối với các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát của Công ty là 0 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch	20/12/2013	5/5	100%	
2	TS. Nguyễn Đăng Quang	Thành viên	18/02/2013	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên	18/02/2013	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	22/04/2016	4/4	100%	Không tham dự cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong năm 2016 (tổ chức ngày 08/4/2016) vì lúc đó chưa là thành viên HĐQT
5	Ông Dominic John Heaton	Thành viên	22/04/2016	4/4	100%	Không tham dự cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong năm 2016 (tổ chức ngày 08/4/2016) vì lúc đó chưa là thành viên HĐQT
6	Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên	06/11/2014	5/5	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Thông qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và các hoạt động quan trọng của các công ty con của Công ty;

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và các công ty con của Công ty;

Thực hiện các công việc được ủy quyền theo các nghị quyết của HĐQT Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a. Hoạt động của Ủy ban Phát triển bền vững

Hỗ trợ HĐQT và Ban Giám đốc điều hành xây dựng kế hoạch chiến lược trong phát triển bền vững và gắn kết hiệu quả với các bên liên quan;

Rà soát và giám sát hoạt động của Công ty về các ảnh hưởng của hoạt động của Công ty đối với sự phát triển bền vững, môi trường, cộng đồng và các bên có liên quan trọng yếu khác;

Đề xuất, rà soát và giám sát các hoạt động của các chương trình sáng kiến bền vững của Công ty liên quan đến tác động đối với cộng đồng, môi trường và xã hội;

Rà soát và đưa ra các khuyến nghị tới Ban Giám đốc điều hành về các thông báo tới các cổ đông và cộng đồng liên quan đến các hoạt động vì trách nhiệm cộng đồng của Công ty;

b. Hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Kiểm toán

Rà soát và thảo luận với Ban Giám đốc điều hành và với công ty kiểm toán độc lập của Công ty về các báo cáo tài chính quý của Công ty;

Thảo luận với Ban Giám đốc điều hành về các thông cáo báo chí kết quả kinh doanh của Công ty;

Thảo luận với Ban Giám đốc điều hành về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và các hành động mà Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện để giám sát và kiểm soát các rủi ro.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	389/2016/NQ-HĐQT	08/4/2016	Phê duyệt (i) tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2016, và (ii) các vấn đề trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
2	458/NQ-HĐQT-16	22/4/2016	Bầu Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty.
3	503/NQ-HĐQT-16	12/5/2016	Phê duyệt con dấu mới của Công ty.
4	615/2016/NQ-HĐQT	31/5/2016	Thay đổi tên của Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên Ma San Thái Nguyên
5	632/NQ-HĐQT-16	09/6/2016	(i) Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc, (ii) miễn nhiệm Giám đốc Tài chính, và (iii) bổ nhiệm Quyền Giám đốc Tài chính.
6	742/NQ-HĐQT-16	28/6/2016	Phê duyệt việc tiếp nhận hỗ trợ tài chính từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	30/9/2013	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	2/2	100%	
3	Ông Tung Hoang Nguyen	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	2/2	100%	
4	Ông Đặng Ngọc Cả	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	0	0%	Hết nhiệm kỳ
5	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	0	0%	Hết nhiệm kỳ

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

(Xem Báo cáo của Ban Kiểm soát từ trang 78-81)

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và Thư ký công ty đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và được cấp chứng chỉ hoàn thành vào tháng 9/2016.

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày tổ chức khóa đào tạo
1	Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch HĐQT	23/8/2016
2	Nguyễn Đăng Quang	Thành viên HĐQT	23/8/2016
3	Nguyễn Thiều Nam	Thành viên HĐQT	23/8/2016
4	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	23/8/2016
5	Dominic John Heaton	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	23/8/2016
6	Jonathan David Fiorello	Thành viên HĐQT	23/8/2016
7	Trần Phương Bắc	Thư ký Công ty	23/8/2016
8	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban kiểm soát	23/8/2016
9	Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban kiểm soát	23/8/2016
10	Tung Hoang Nguyen	Thành viên Ban kiểm soát	23/8/2016

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Mối quan hệ liên quan với Công ty	TS. Nguyễn Đăng Quang (thành viên HĐQT của Công ty) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	0302100924 cấp ngày 13/9/2000 bởi Sở KHĐT TP. HCM
Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, quận 1, TP. HCM
Thời điểm giao dịch với Công ty	30/6/2016
Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	742/NQ-HĐQT-16 ngày 28/6/2016
Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	0
Ghi chú	Hỗ trợ tài chính

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành ("Bên liên quan") trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Năm	Bên liên quan (có giao dịch với Công ty)	Mối quan hệ với Công ty	Mô tả giao dịch
2014	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Giao dịch vay nội bộ
2015	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Giao dịch vay nội bộ
2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Hỗ trợ tài chính

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc	8.420.857	1,17%	8.400.257	1,17%	Bán cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán trưởng	20.000	0,003%	0	0%	Bán cổ phiếu
3	Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%	63.000	0,009%	Mua cổ phiếu

BÁO CÁO QUẢN LÝ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN VÀ MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN

	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số nhân viên	**537**	**1.281**	**1.095**	**1.095**	**1.027***
Trong đó					
• *Nhân sự người Việt Nam*	455	1130	976	973	928
• *Nhân sự người nước ngoài*	82	151	119	122	99
Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	11,0	8,7	9,7	10,2	10,7

** Không bao gồm Liên doanh*

CẤU TRÚC LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Lực lượng lao động của Masan Resources đa dạng; phần lớn lao động của Công ty là người địa phương, phần còn lại ít hơn là những người đến từ các tỉnh thành trong nước hoặc người nước ngoài - là những người nắm giữ các vị trí đòi hỏi chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm với các kỹ năng liên quan mà lực lượng lao động địa phương không thể đáp ứng.

Để mô tả tổng quát hơn bức tranh nhân sự của MSR, dưới đây là bảng phân tích lực lượng lao động theo lứa tuổi, giới tính, học vấn và vị trí địa lý.

Tỷ lệ phân loại lao động theo độ tuổi

Độ tuổi trung bình lực lượng lao động của MSR là 34. Độ tuổi trung bình phân theo các vị trí:

- Giám đốc: 51
- Trưởng bộ phận: 42
- Giám sát cấp cao: 42
- Giám sát: 38
- Nhân viên kỹ thuật/ văn phòng: 32
- Công nhân: 33

Tỷ lệ lao động phân loại theo từng độ tuổi thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

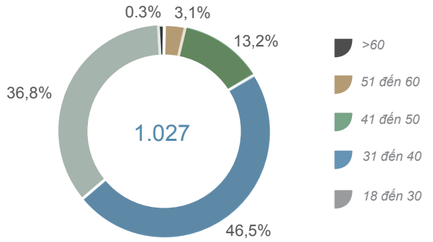

Tỷ lệ lao động phân loại theo giới

Nhất quán với chính sách tuyển dụng bình đẳng của MSR bao gồm bình đẳng giới về cơ hội việc làm, nữ giới được tuyển dụng cho mọi hoạt động của Công ty. Tỷ lệ lao động nữ chiếm khoảng 24% tổng lực lượng lao động. Masan Resources được xếp vào Công ty có tỷ lệ lao động nữ trung bình khá cao trong ngành khai thác mỏ (một số nghiên cứu cho thấy tỷ lệ lao động nữ làm việc trong ngành khai thác mỏ trên thế giới là 14,7%).

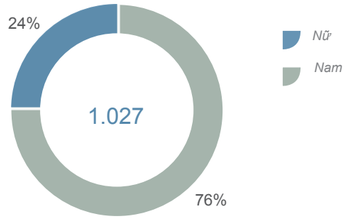

Tỷ lệ lao động phân loại theo trình độ học vấn

Lực lượng lao động phân loại theo trình độ học vấn:

- Đại học và sau đại học 40%
- Cao đẳng và học nghề: 39%
- THPT và thấp hơn: 21%

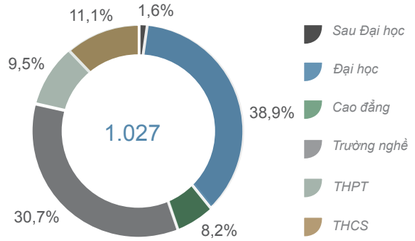

Tỷ lệ lao động phân loại theo vùng miền

Có 74% lao động được tuyển dụng trong tỉnh Thái Nguyên, 16% từ các tỉnh khác và 10% tuyển dụng từ nước ngoài.

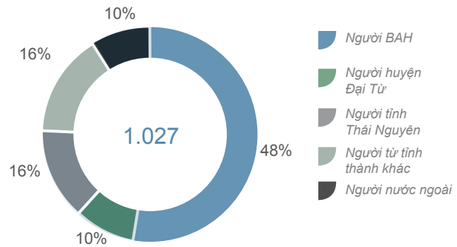

75.903 GIỜ CHO ĐÀO TẠO TRONG CÔNG TY VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN

TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN

Do số lượng nhân viên của Công ty được tuyển dụng và duy trì ổn định từ năm 2014 đến nay, hoạt động chính của Bộ phận Nhân sự là tập trung vào đào tạo và đánh giá hiệu quả làm việc. Công tác tuyển dụng chủ yếu tập trung vào thay thế các trường hợp nghỉ việc, thành lập nguồn nhân sự thay thế, duy trì việc liên hệ với các ứng viên tiềm năng thông qua các kênh tuyển dụng khác nhau. Năm 2016, MSR đã tạo được 3 trang tuyển dụng trên mạng xã hội và truyền thông nhằm duy trì liên lạc với nhóm ứng viên tiềm năng.

HỌC VIỆN MSR

Masan Resources luôn hiểu rằng nguồn vốn con người là nhân tố tạo nên sự khác biệt và quyết định thành công hay thất bại của các doanh nghiệp. Nhu cầu đào tạo và phát triển nhân viên đã nảy sinh khái niệm Học viện MSR. Để dự án Học viện MSR chính thức khởi động vào năm 2018 theo kế hoạch, rất nhiều các công việc cần được thực hiện như:

- Thiết lập công cụ đo lường;
- Xây dựng khung năng lực cho tất cả các vị trí công việc;
- Xác định, đánh giá và bố trí nội dung đào tạo phù hợp cho mỗi đơn vị năng lực;
- Xây dựng tài liệu đào tạo cho mỗi nội dung đào tạo (có tất cả 1.200 tài liệu đào tạo);
- Nâng cao kỹ năng đào tạo cho giảng viên nội bộ;
- Thực hiện/triển khai các hoạt động đào tạo thông thường;
- Xây dựng phương thức học trực tuyến (E-learning);
- Xác định nhu cầu đào tạo hàng năm thông qua phân tích lỗ hổng năng lực;
- Quản lý chất lượng đào tạo.

Công ty đã hoàn thành một khối lượng lớn các công việc để thực hiện mục tiêu trên và đang nỗ lực thực hiện những công việc còn lại. Tính đến cuối năm 2016, Công ty đã hoàn thành những nhiệm vụ sau:

- Hoàn thiện khung năng lực cho tất cả các vị trí;
- Xác định, đánh giá và bố trí nội dung đào tạo phù hợp cho tất cả năng lực chuyên môn;
- Mô đun học trực tuyến đã đưa vào ứng dụng;
- Phát triển tài liệu đào tạo: 408 tài liệu trên tổng số 1.200;
- Triển khai đào tạo 208 nội dung trên tổng số 1.200.

Tổng kinh phí Công ty chi cho công tác đào tạo năm 2016	**3.462.738.112 VND**
Tổng số giờ đào tạo chuyên môn	75.903
Trong đó:	
• Tổng số lượt nhân viên được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn	528
• Tổng lượt nhân viên được đào tạo nội bộ	1.570

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Cùng với việc thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nhân viên năm 2016, Công ty cũng đã tiến hành rà soát quy trình quản lý hiệu suất làm việc của nhân viên nhằm hoàn thiện quy trình này theo hướng hệ thống hóa, toàn diện và dựa trên kết quả.

Với việc phát hành các hướng dẫn liên quan đến đánh giá chất lượng công việc, tất cả những nhân viên được đánh giá năng lực thực hiện chưa đạt yêu cầu sẽ phải tham gia chương trình cải thiện hiệu quả thực hiện công việc. Các khóa đào tạo này sẽ tập trung vào các lĩnh vực cụ thể mà người tham gia cần cải thiện.

Cuối năm 2016, chương trình cải thiện hiệu quả công việc đã giúp 76/87 người thực hiện công việc không đạt yêu cầu cải thiện năng lực thực hiện công việc.

So sánh kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB-CNV Công ty năm 2016

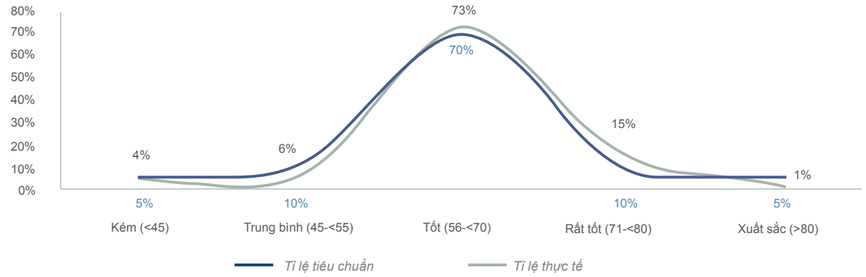

QUAN HỆ LAO ĐỘNG

Trên cơ sở nhất quán với những giá trị cốt lõi cuả Công ty là TÔN TRỌNG - HÀNH ĐỘNG - KẾT QUẢ, các buổi đối thoại lao động được thường xuyên được tổ chức. Tại các buổi đối thoại, cán bộ công nhân viên Công ty có cơ hội trình bày những thắc mắc, quan ngại của mình hoặc kiến nghị trực tiếp với Tổng Giám đốc hoặc các trưởng bộ phận liên quan để được xem xét, giải quyết. Đồng thời, cũng trong các buổi đối thoại này, Tổng Giám đốc sẽ cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tới người lao động. Các hoạt động này đã một tạo môi trường làm việc tích cực, nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên và giảm thiểu những xung đột hoặc tranh chấp. Trong năm 2016 đã không xảy ra trường hợp nào liên quan đến pháp lý.

Chính sách giải thưởng Sao tháng được thực hiện với mục đích khen thưởng và khuyến khích các cá nhân hoặc tập thể có những thành tích xuất sắc. Năm 2016 có tổng số 26 cá nhân và tập thể đã được nhận giải thưởng Sao tháng của Ban Giám đốc.

Bên cạnh đó, Công ty phối hợp Công đoàn cơ sở tổ chức nhiều hoạt động thể thao giải trí cho cán bộ công nhân viên, như thi đấu cầu lông, bóng đá, thăm quan, du lịch... Mục đích của các hoạt động là để gắn kết quan hệ của các nhân viên kể cả trong và ngoài công việc.

BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro	Cơ sở rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Rủi ro về giá bán sản phẩm	Giá các sản phẩm vonfram, đồng, florit và bismut của Công ty được xác định bởi, hoặc có liên quan tới giá cả trên thị trường thế giới, mà giá các sản phẩm này từ trước đến nay thường chịu sự biến động đáng kể. Sự biến động về giá cả hàng hóa thường xảy ra do sự thay đổi giá cả phản ánh qua các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu (như Năng lượng, An ninh, Cơ sở hạ tầng), các nhu cầu trong ngành, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn sản xuất mới, do sự thay đổi công nghệ, thay thế sản phẩm và thuế phí trong nước. Sự biến động của tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu tương lai và giá cả hàng hóa. Điều này cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến dòng tiền và giá trị tài sản trong thời gian sắp tới.	Công ty vận hành tại điểm thấp nhất trên đường cong chi phí toàn cầu với các loại sản phẩm của mình. Điều này giúp Công ty có ưu thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh về giá. Công ty có một danh mục đa dạng các sản phẩm được bán ra cho các khách hàng trên các khu vực địa lý khác nhau và có các mục đích sử dụng khác nhau. Việc này giúp Công ty không bị ảnh hưởng bởi những biến động lớn hoặc có thể ứng phó với tình trạng một mặt hàng nào của Công ty không bán được, đồng thời cũng bảo vệ Công ty tránh khỏi rủi ro hiệu quả thấp khi làm việc với khách hàng từ một khu vực địa lý và hoặc một ứng dụng trực tiếp sử dụng sản phẩm duy nhất. Đối với những mặt hàng giao dịch có nhiều biến động như đồng, Công ty sử dụng các công cụ tài chính như hợp đồng có kỳ hạn và hợp đồng tự bảo đảm để giảm rủi ro về giá.
Rủi ro về tỷ giá quy đổi	Phần lớn các mặt hàng bán ra của Công ty được xuất khẩu và định giá bằng tiền USD. Do vậy, sự biến động về tỷ giá quy đổi tiền VND/USD có thể có những tác động đáng kể đến kết quả tài chính của Công ty.	Rất nhiều chi phí cho vật liệu và phụ tùng thay thế hiện không có sẵn tại Việt Nam đều được định giá bằng tiền USD. Việc sử dụng nguồn USD từ doanh thu đã tạo ra một hàng rào tự nhiên bảo vệ Công ty khỏi một phần rủi ro về tỷ giá trong chi phí. Các chi phí còn lại cũng như các khoản nợ của Công ty thì được định giá bằng VND. Do vậy Công ty phải đối mặt với sự biến động về tỷ giá giữa tiền VND và tiền USD. Rủi ro về tiền tệ thường xuyên được Giám đốc Tài chính theo dõi và đưa ra các khuyến nghị với HĐQT nhằm đảm bảo các biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro được thực hiện kịp thời.

Rủi ro	Cơ sở rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Thay đổi bất lợi ngoài mong đợi hoặc không lường trước về môi trường pháp lý và chính trị tại Việt Nam hoặc quốc gia của khách hàng có thể gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, bán hàng hoặc quyết định kinh doanh của Công ty	Sự thay đổi về quy định pháp luật của Việt Nam hoặc của các quốc gia của khách hàng tiềm ẩn việc tăng chi phí, giảm lợi nhuận biên hoặc gây trở ngại cho Công ty trong việc bán sản phẩm đến các quốc gia của khách hàng.	Công ty thường xuyên theo dõi môi trường pháp lý tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia của khách hàng đồng thời đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động bán hàng của Công ty. Điều này được thực hiện nhằm đảm bảo Công ty và khách hàng của Công ty chủ động và có các hành động tích cực, phù hợp tại các quốc gia của khách hàng hoặc tại Việt Nam để đảm bảo kinh doanh ổn định lâu dài.
Sử dụng trữ lượng không hợp lý hoặc thất bại trong phát triển mô hình kinh doanh mới có thể tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất và điều kiện tài chính trong tương lai.	Nhu cầu đối với sản phẩm của Công ty có thể dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên cạn kiệt theo thời gian. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty là xuất phát từ hoạt động khai thác chế biến khoáng sản, do vậy, kết quả kinh doanh và điều kiện tài chính của Công ty trong thời gian tới sẽ liên quan trực tiếp tới hoạt động thăm dò và nỗ lực mua lại các doanh nghiệp trong tương lai, liên quan trực tiếp đến khả năng tạo nguồn dự trữ để ứng phó với các yêu cầu sản xuất trong tương lai với chi phí cạnh tranh.	Công ty đã xác định được trữ lượng tài nguyên là cơ sở để vận hành mỏ trong thời gian dài. Trữ lượng này đã được đo đạc và xác định theo với các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời được kiểm định bởi các đơn vị thứ ba độc lập. Điều này giúp Công ty có khả năng chiến lược để tiến hành thăm dò và đánh giá các cơ hội thâu tóm trong tương lai. Trữ lượng hiện nay sẽ tiếp tục được khoan thăm dò bổ sung khi cần thiết nhằm kéo dài tuổi thọ của mỏ hiện hành trong trường hợp thuận lợi về mô hình hóa địa chất và thị trường. Các hoạt động khoan thực tế của Công ty cũng như ngân sách cho hoạt động khoan trong tương lai sẽ phụ thuộc vào quy mô và chất lượng khoáng sản còn lại, kết quả khoan, giá hàng hóa, chi phí khoan và sản xuất, mức độ sẵn có về thiết bị và dịch vụ khoan, thời hạn thuê mỏ và những chấp thuận về pháp lý.

Rủi ro	Cơ sở rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Rủi ro từ các đối tác thương mại	Công ty đã ký kết hợp đồng với nhiều đối tác thương mại và tài chính, bao gồm khách hàng là những đối tượng trực tiếp sử dụng sản phẩm, các nhà cung cấp và các tổ chức tài chính Sự biến động kinh tế thế giới tiếp tục gây căng thẳng cho thị trường tài chính toàn cầu, dẫn đến sự bất ổn về điều kiện kinh doanh nói chung. Ngoài ra, các khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, hoặc các đối tác liên doanh có thể không thực hiện đúng các hợp đồng và các nghĩa vụ đang hiện hữu.	Công ty có các kiểm soát tín dụng đối tác nhằm hạn chế việc chỉ phụ thuộc vào một khách hàng, một khu vực địa lý, phụ thuộc vào một ứng dụng trực tiếp sử dụng sản phẩm hoặc các đối tác thương mại tài chính. Công ty cũng định kỳ đánh giá năng lực tài chính và thị trường của các đối tác tương ứng nhằm chủ động kiểm soát rủi ro và/hoặc các vấn đề tiềm ẩn.
Rủi ro về nhân sự chủ chốt	Việc mất đi các vị trí quản lý chủ chốt có thể dẫn tới việc gián đoạn các hoạt động đang diễn ra và / hoặc mất niềm tin của cổ đông, khiến cho cổ phiếu rớt giá.	Quản lý nhân sự là nền tảng quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Để kiểm soát rủi ro này, Công ty đã lập kết hoạch và thực hiện các chương trình đào tạo toàn diện và phát triển đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo rằng luôn có người đủ năng lực để kế thừa công việc. Công ty cũng định kỳ đưa ra các chương trình sở hữu cổ phiếu hấp dẫn dành cho người lao động để giúp nhân viên trở thành cổ đông và giữ chân người lao động.
Rủi ro do cạnh tranh	Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc nâng cao các mục tiêu chiến lược và thị phần của Masan Resources.	Công ty vận hành mỏ vonfram lớn nhất thế giới. Mỏ này là nguồn cung cấp chiến lược các sản phẩm vonfram và các sản phẩm khác không có nguồn gốc từ Trung Quốc. Công ty đã ký kết các hợp đồng bán hàng dài hạn với nhiều công ty lớn nhất trên toàn cầu, qua đó loại trừ rủi ro mất thị phần từ việc một số nhà cung cấp mới xuất hiện trong tương lai.

Rủi ro	Cơ sở rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới công tác vận hành của Công ty	Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới hoạt động khai thác của Công ty, cản trở lộ trình phát triển thị trường hoặc phát triển mạng lưới khách hàng. Tại nhà máy chính của Công ty, thiên tai chủ yếu là lũ lụt và động đất. Chúng có thể ảnh hưởng tới hoạt động của moong khai thác, công trình đập chứa đuôi quặng hoặc nhà máy chế biến. Các sự cố vận hành tiềm tàng gồm có tai nạn vận hành, cháy nổ ở nhà máy chế biến, xói lở bờ moong khai thác, mất điện hoặc hỏng thiết bị cơ khí trọng yếu.	Bằng việc chuẩn bị sẵn các kế hoạch quản lý rủi ro và các kế hoạch dự phòng, Công ty có thể giảm thiểu được hậu quả của các sự cố vận hành có thể xảy ra. Các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó sự cố đã được xây dựng nhằm giảm thiểu tối đa các hậu quả phát sinh. Các công trình của Công ty, bao gồm cả công trình đập chứa đuôi quặng được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Các công trình này đáp ứng được Tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới và thường xuyên được Uỷ ban Thẩm định độc lập quốc tế kiểm tra giám sát chất lượng. Là một phần của quá trình quản lý rủi ro, Công ty trang bị bảo hiểm toàn diện để giảm thiểu bất kỳ tổn thất phát sinh làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh do thiên tai và các sự cố vận hành không mong muốn.
Việc vi phạm các quy trình an ninh công nghệ thông tin có thể gây tác động bất lợi tới các hoạt động kinh doanh của Công ty	Công ty duy trì các hệ thống công nghệ thông tin (IT), bao gồm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm kinh doanh và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những hệ thống này có thể bị tác động bởi các hành vi vi phạm an ninh thông tin (như tội phạm mạng) dẫn đến gián đoạn sản xuất, mất các tài sản sở hữu trí tuệ hoặc bị tiết lộ các thông tin nhạy cảm về thương mại và làm phương hại đến uy tín của Công ty.	Công ty thường xuyên rà soát hệ thống an ninh, các quy trình và các giao thức công nghệ thông tin. Công ty cũng duy trì tường lửa phù hợp và các sao lưu ngoại vi đối với các dữ liệu, hệ thống và quy trình chủ chốt. Năm 2016, Công ty thực hiện một loạt các thử nghiệm hệ thống và các giao thức cập nhật.
Rủi ro về tính bền vững	Những sự cố, tai nạn liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường hoặc cộng đồng cũng có thể ảnh hưởng bất lợi tới nhân viên của Công ty hoặc cộng đồng xung quanh khu vực Dự án, tới việc vận hành sản xuất và danh tiếng của Công ty hoặc giấy phép vận hành.	Cách thức ứng phó của Công ty đối với các rủi ro về bền vững được thể hiện trong các Chính sách An toàn và Sức khỏe, Chính sách Môi trường và Chính sách Cộng đồng. Tất cả các sự cố hoặc tai nạn đều được ghi nhận và báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Khi có sự cố xảy ra, Công ty sẽ làm việc trực tiếp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các bên bị ảnh hưởng để giải quyết vấn đề và đảm bảo không tái diễn sự cố tương tự.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững tại Masan Resources

Con người là quan trọng nhất

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Bền vững cho tất cả chúng ta

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI MASAN RESOURCES

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tại Masan Resources, giá trị cốt lõi là nền tảng kinh doanh của chúng tôi. Trong những năm qua, khi các doanh nghiệp trong ngành khai khoáng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức về giá sản phẩm khiến họ có xu hướng chỉ tập trung vào những nhiệm vụ ngắn hạn mà làm tổn hại đến lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp và các bên liên quan. Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp đối với Masan Resources. Chúng tôi không ngừng đầu tư, dù ở những thời điểm khó khăn nhất, để thực hiện các quyết định về các Giá trị cốt lõi của Công ty, đó là: **Tôn trọng, Hành động** và **Kết quả**.

Ban Giám đốc Masan Resources và Nui Phao Mining

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO KHUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUỐC TẾ

Dự án Núi Pháo được phát triển tuân thủ theo các quy định pháp luật Việt Nam và các chính sách và hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới về an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, Khung Phát triển bền vững đối với lĩnh vực khai khoáng của Hội đồng Khoáng sản và Kim loại Quốc tế (ICMM). Các quy định này được lồng ghép thực hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo các tiêu chuẩn cao nhất về tính minh bạch và nhất quán.

THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

IFC International Finance Corporation
WORLD BANK GROUP

ICMM
International Council on Mining & Metals

Quản trị phát triển bền vững theo nhiều cấp tham gia

Chúng tôi lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào tất cả các hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc của Công ty đã đề xuất một khung phát triển bền vững, được các cấp quản lý cam kết thực hiện và các nhân viên có trách nhiệm thực thi, với sự hỗ trợ của tài liệu hướng dẫn chi tiết và rõ ràng các giá trị mà mỗi nhân viên cần thể hiện trong công việc hàng ngày.

Đồng thời, Công ty củng cố các giá trị này bằng cách khuyến khích các nhân viên đưa ra các phản hồi tới các cán bộ quản lý để điều chỉnh sao cho phù hợp nhu cầu của mọi người.

Quan hệ hợp tác với các bên

Masan Resources luôn hoạt động trên tinh thần hợp tác nhằm đạt được những mục tiêu phát triển bền vững một cách minh bạch, mang lại lợi ích sâu rộng hơn cho các bên liên quan.

Mạng lưới phát triển bền vững của chúng tôi bao gồm các bên liên quan khác nhau như các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các đối tác cùng phát triển, công ty tư nhân và cộng đồng.

Các tổ chức đoàn thể (như Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua trồng cây Năng lượng của Đức (CPEP)...) đóng vai trò trong việc xác định khoảng cách và nhu cầu của xã hội, đồng thời huy động các nguồn lực cần thiết để làm nên sự khác biệt trong các dự án hợp tác của Công ty. Đặc biệt, trong năm 2016, các đối tác truyền thông của chúng tôi đã chủ động thực hiện vai trò giám sát của mình, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về các hoạt động khai thác và giảm thiểu tác động môi trường và xã hội. Các đối tác của chính phủ và phi chính phủ khác (như Ngân hàng Chính sách và Tổ chức Đông Tây hội ngộ) cũng như các đối tác tư nhân của chúng tôi như Công ty Thịnh Cường và nhà may Khánh Hiền đã cùng tham gia tích cực và đóng góp vào thành công của mô hình tài chính vi mô, các công trình hạ tầng và các hoạt động trách nhiệm xã hội khác.

BỀN VỮNG DỰA TRÊN ĐÁNH GIÁ LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Chúng tôi thường nhận diện các chủ đề bền vững dựa theo tính chất quan trọng của mỗi chủ đề đối với MSR và đối với các cổ đông. Sau đó chúng tôi xác định các vấn đề ưu tiên thực hiện theo các lĩnh vực trọng yếu. Các vấn đề ưu tiên bao hàm các lĩnh vực cần hành động được coi như động lực để đảm bảo hoạt động kinh doanh bền vững và đây cũng là những lĩnh vực mà chúng tôi tiếp tục tập trung hơn nữa để thực hiện trong tương lai.

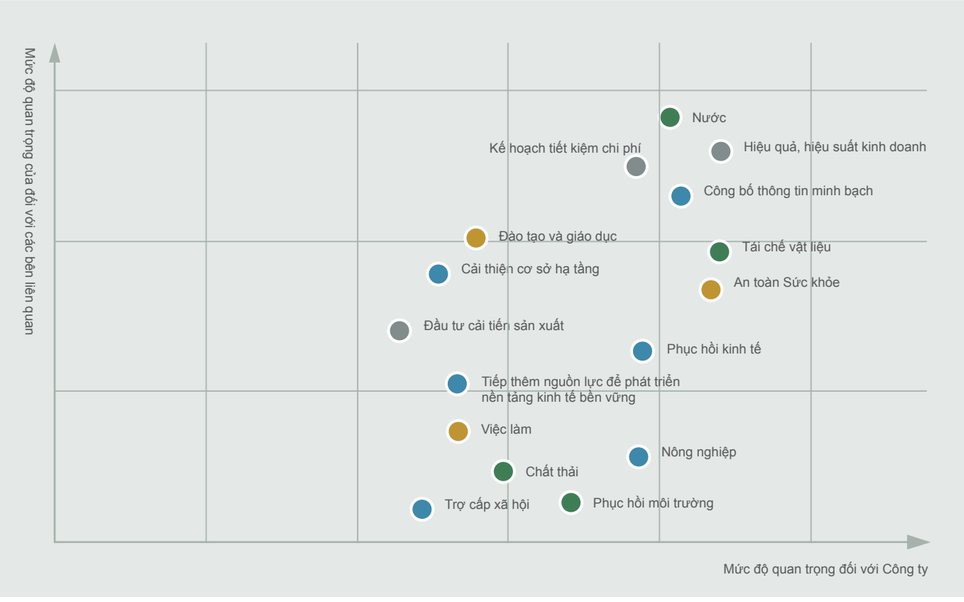

CON NGƯỜI LÀ QUAN TRỌNG NHẤT

ĐÀO TẠO VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN AN TOÀN

Tổng số **26**

cảnh báo an toàn đã được gửi đến cho toàn thể cán bộ CNV Công ty và nhà thầu.

Tổng số **3.764**

nhân viên và nhà thầu đã tham dự 6.150,5 giờ đào tạo an toàn nội bộ.

HỢP TÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA AN TOÀN

Hợp tác với Sở KH&CN: Thực hành diễn tập An toàn bức xạ hạt nhân quy mô quốc gia lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.

Hợp tác với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ tỉnh Thái Nguyên: Công ty nhận được Giải thưởng cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn.

KHÁM SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

Nội dung khám sức khỏe bao gồm một số xét nghiệm như xét nghiệm máu, nước tiểu, chụp X-quang lồng ngực, siêu âm ổ bụng, kiểm tra chức năng phổi, đo thính lực, kiểm tra dấu hiệu ung thư sớm cũng như chương trình tiêm chủng gồm Sởi - Quai bị - Rubella (MMR) và tiêm phòng cúm theo mùa.

Tập huấn y tế

Tổng cộng **105**

nhân viên Công ty và nhà thầu đã được tập huấn sơ cấp cứu nâng cao.

Tổng cộng **63**

người đã được tập huấn chuyên sâu về quản lý mệt mỏi.

Tổng cộng **483**

người đã tham gia chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ thính lực.

Tổng cộng **657**

người đã tham gia chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ phổi.

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tại Masan Resources, chúng tôi quan tâm sâu sắc và luôn nỗ lực đáp ứng, thậm chí vượt lên tốt hơn các tiêu chuẩn về Môi trường. Chúng tôi mong muốn Dự án Núi Pháo sẽ trở thành hình mẫu tiêu biểu của ngành khai khoáng Việt Nam trong vấn đề tuân thủ các quy định về môi trường. Ngay từ những ngày đầu, Masan Resources đã thiết lập các tiêu chuẩn dự án dựa trên Nguyên tắc Xích đạo của Ngân hàng Thế giới. Đây là "tiêu chuẩn vàng" cho sự phát triển của xã hội và môi trường bền vững áp dụng cho các dự án khai thác khoáng sản.

LUÔN CHÚ TRỌNG GIẢM LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

Hiện nay, có 4 nguồn nước chính sử được sử dụng để phục vụ công tác sản xuất tại Nhà máy Chế biến: Nước mặt (Sông Công), nước ngầm, nước tháo khô và nước tuần hoàn.

Tổng khối lượng nước Công ty sử dụng năm 2016 là 10.978 triệu lít so với tổng khối lượng nước sử dụng năm 2015 là 12.586 triệu lít, trong khi đó, công suất sản xuất của Nhà máy Chế biến là không đổi.

Quản lý sử dụng nước (triệu lít) năm 2015-2016

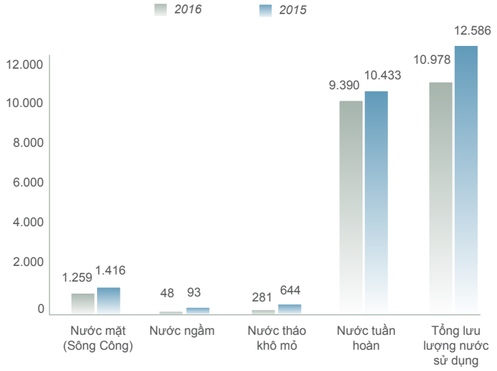

Hướng tới sự minh bạch

- Hàng tháng, các thông báo về kết quả quan trắc chất lượng nước thải đều được công bố.
- Hàng tuần, các cuộc họp với cộng đồng được tổ chức kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh.
- Tổ chức cho đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, các ban ngành chức năng, các cơ quan truyền thông và người dân quanh khu vực dự án đến thăm, kiểm tra công trường dự án Núi Pháo.
- Luôn sẵn sàng tiếp đón các đoàn thanh tra kiểm tra.

Trong năm 2016, có 7 đoàn công tác chính thức từ Bộ TNMT, Phòng CSMT và tỉnh Thái Nguyên (gồm Sở Công Thương, Sở TNMT, UBND huyện Đại Từ) đã đến kiểm tra, giám sát công tác khai khoáng, sử dụng đất, quản lý vật liệu cháy nổ, quản lý môi trường và nguồn nước tại Công ty.

GIA TĂNG KHỐI LƯỢNG NƯỚC QUA XỬ LÝ

Năm 2016, Trạm xử lý nước thải (WWTP) hoàn thành giai đoạn chạy thử và hiện nay đã hoạt động hết công suất. Chất lượng xả thải của WWTP đạt tiêu chuẩn cho phép theo quy định trong giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý tại WWTP được xả ra môi trường qua ba điểm xả đã được cấp phép: DP1, DP2 và DP3.

Công ty vừa lắp trạm quan trắc thủy văn tại mỗi điểm xả thải. Tổng khối lượng xả thải năm 2016 là 5.128.544 m^3 so với năm 2015 là 4.196.347 m^3, điều này cho thấy khả năng xử lý nước thải của WWTP được cải thiện và thể hiện những nỗ lực của chúng tôi để giảm thiểu lượng nước chứa tại OTC và STC, cũng như giảm đi áp lực nước cho thân đập, theo đó, nâng cao an toàn cho đập.

	2014	2015	2016
Tổng khối lượng nước xả (m^3)	4.635.416	4.196.347	5.128.544
DP1 (*)	1.859.284	2.781.106	1.642.420
DP2	348.400	32.487	3.165.849
DP3	2.427.732	1.382.754	320.275

(*) Từ tháng 5/2016, điểm xả thải DP1 dừng xả

GIẢM KHỐI LƯỢNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Bộ phận Khai thác tiếp tục thay thế các máy phát chạy dầu phục vụ hoạt động khai thác bằng các máy phát điện có công suất tương đương, do vậy hiệu quả đạt được là giảm phát thải GHG trực tiếp. Ngoài ra, các máy phát chạy dầu còn được thay thế bằng các máy phát điện ở các tuyến cống số 4 và số 6 tại khu vực đập chứa đuôi quặng (TSF).

Lượng phát thải khí nhà kính (tấn CO_2)	2014	2015	2016
Tổng GHG	68.619	109.618	128.500
Phát thải GHG Trực tiếp (phạm vi 1)	31.436	23.873	22.627
Gas	371	199	137
Dầu Diesel	31.064	23.674	22.490
Phát thải GHG Gián tiếp (phạm vi 2)	37.183	85.744	105.873

Hợp tác đề quan trắc môi trường

Công ty đã hợp tác với các đối tác có uy tín và được ghi nhận như:

- Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng (lấy mẫu và phân tích nguồn nước mặt, nước ngầm và nước thải).
- Viện Công nghệ Môi trường - Đại học Công nghệ Hà Nội (Quan trắc Chất phát thải Công nghiệp).
- Phòng Thí Nghiệm Gusho Kohsan (lấy mẫu và phân tích nguồn nước mặt, nước thải).
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (Quatest 1) và Viện Công nghệ Môi trường (IET) để phân tích chất lượng nước mặt, nước thải.
- EATC để thực hiện lấy mẫu và phân tích nước thải và chất thải rắn.
- NAWAPI để thực hiện nghiên cứu và thiết lập mạng lưới quan trắc thủy văn.

BỀN VỮNG CHO TẤT CẢ CHÚNG TA

"Chúng tôi cam kết thực hiện phát triển bền vững và nỗ lực gắn kết cộng đồng không chỉ vì tính chất lâu dài của hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn vì chúng tôi thực sự tin rằng doanh nghiệp còn có nghĩa vụ nâng cao các chuẩn mực trong ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam vì lợi ích của những thế hệ tương lai. Vì vậy, phát triển các hoạt động khai mỏ thành công đối với người dân địa phương không chỉ đơn thuần là đưa ra các giải pháp kỹ thuật; mà còn là nỗ lực tạo dựng mối quan hệ, hài hòa và cân bằng mọi lợi ích."

Vũ Hồng – Phó Tổng Giám Đốc, Phụ trách Đối ngoại và Phát triển bền vững.

Luôn giữ vững cam kết gắn kết của Masan Resources với cộng đồng, trong năm 2016, Công ty đã chi 3,7 tỷ VND cho các sáng kiến phát triển cộng đồng vốn đã được lên kế hoạch từ giai đoạn đầu phát triển mỏ. Chúng tôi tin rằng các sáng kiến này có thể phát huy tối đa vai trò của ngành khai khoáng trong bối cảnh rộng hơn và trong bối cảnh kế hoạch quốc gia về phát triển bền vững nhằm đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Đầu tư Phát triển Cộng đồng từ năm 2011 đến 2016 (triệu VND)

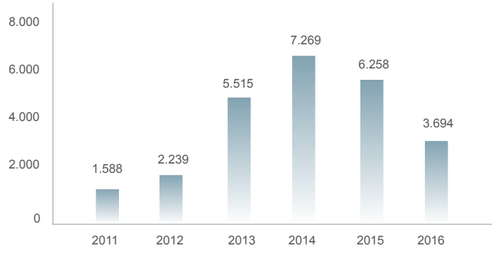

QUAN TÂM ĐẾN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN GẦN KHU VỰC DỰ ÁN

Masan Resources cam kết tiếp tục phát triển và đối thoại chân thành, minh bạch, kịp thời và đối thoại hai chiều; đồng thời cân nhắc các quan điểm của các bên liên quan trong quá trình đưa ra quyết định. Đây là những yếu tố then chốt để xây dựng mối quan hệ tin cậy trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau cũng như quản lý các rủi ro nảy sinh trong hoạt động kinh doanh.

Tăng cường hiểu biết cộng đồng với phương pháp tiếp cận tham gia

Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng được thực hiện qua các hình thức tổ chức họp với cộng đồng, phỏng vấn, phiếu khảo sát và tương tác với từng người, v.v…giúp Công ty đưa ra được phương pháp tiếp cận phù hợp và toàn diện hơn, đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và cam kết của Công ty liên quan đến quyền và lợi ích của cộng đồng địa phương. Trong năm 2016, chúng tôi đã tổ chức được 45 cuộc họp cộng đồng với trên 705 người tham dự.

Cơ chế khiếu nại, thắc mắc: từ vấn đề đến giải pháp

Trong năm 2016, số lượng đơn thư khiếu nại, thắc mắc tiếp tục giảm so với năm 2015. Tuy nhiên, vẫn còn một số khiếu nại "khó giải quyết" cần sự vào cuộc của bên thứ ba hoặc cơ quan chính quyền cũng như cần thêm thời gian để điều tra.

Mặc dù vậy, chúng tôi thường đưa ra các giải pháp tạm thời để giải tỏa mối quan tâm của người dân địa phương.

Thống kê số lượng cuộc họp với cộng đồng năm 2016

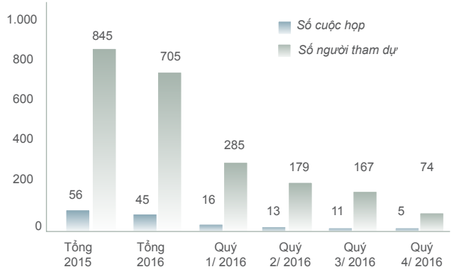

Yêu cầu và khiếu nại từ năm 2011 đến 2016

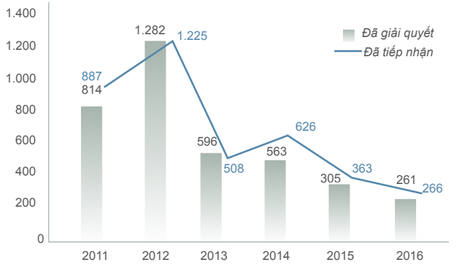

XÂY DỰNG NỀN TẢNG CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Cơ sở hạ tầng là một phần cốt yếu đối với một cộng đồng phát triển, và có tầm quan trọng quyết định đến việc mở ra các cơ hội phát triển kinh tế.

8,5 km đường bộ **1** cây cầu

4 nhà văn hóa **2** hệ thống tưới tiêu

Đoạn đường Quốc lộ 37 cũ dọc theo xóm An Long và Liên Giới (từ km 150+200 đến km 151+100) xây dựng năm 2002 hiện đã bị xuống cấp gây cản trở giao thông và buôn bán cho các cộng đồng địa phương.

Việc sửa chữa và nâng cấp đoạn đường Quốc lộ này đã giúp ít nhất 300 hộ gia đình với trên 1.000 người dân sinh sống trong khu vực lân cận tiếp cận hệ thống giao thông an toàn, thuận tiện và tạo cơ hội làm ăn kinh doanh.

74% người dân xã Tân Linh đã tiếp cận được công trình vệ sinh tiêu chuẩn

Dự án được đồng tài trợ bởi Chương trình Phát triển Cộng đồng của Masan Resources và Dự án Nước sạch và Vệ sinh Môi trường dựa vào kết quả đầu ra" – WASHOBA của tổ chức Đông Tây hội ngộ và Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường.

Tính đến cuối năm 2016, có 169 hộ gia đình khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo của xã Tân Linh được hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Cuộc sống tốt đẹp hơn tại khu tái định cư Nam Sông Công

Khu tái định cư Nam Sông Công nằm tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ được giải phóng mặt bằng năm 2010, được chia thành 474 lô và cấp cho các hộ gia đình có đất thu hồi cho dự án Núi Pháo.

Khu vực tái định cư Nam Sông Công có đầy đủ dịch vụ tiện ích xã hội và cơ sở hạ tầng như: chợ, trạm y tế, nhà văn hóa với 120 chỗ ngồi và có một nhà thờ được coi là lớn nhất huyện Đại Từ. Trong tổng số 800 dân cư sống ở khu tái định cư thì có gần 200 người đã được tạo điều kiện làm tại dự án Núi Pháo hoặc cho các nhà thầu và nhà cung cấp của Công ty.

Sau gần 6 năm, khu tái định cư Nam Sông Công đã và đang trở thành một khu dân cư sầm uất và hiện đại nhất của huyện Đại Từ. Gần đây, thị trấn Hùng Sơn đã khởi công Khu đô thị kiểu mẫu số 1 và dự án xây Chợ Trung tâm Đại Từ, cả hai dự án đều nằm sát khu tái định cư Nam Sông Công. Sau khi hoàn thành, dự án được kỳ vọng sẽ trở thành một trường hợp điển hình của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển của huyện Đại Từ. Thị trấn Hùng Sơn cũng phấn đấu trở thành đô thị loại 4 trước năm 2020.

"Tổ dân phố Sơn Hà (Khu tái định cư Nam Sông Công) là khu dân cư đầu tiên của thị trấn Hùng Sơn có 100% hộ gia đình được sử dụng nước sạch và nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Trong số các hộ dân ở đây thì có 25% là hộ giàu, 65% hộ khá giả và không có hộ nghèo. Cuộc sống của người dân sau khi tái định cư đã tốt đẹp hơn nhiều so với trước đây".

Bà Đào Thị Vũ, Trưởng ban Mặt trận tổ dân phố Sơn Hà (khu TĐC Nam Sông Công).

BIẾN KINH NGHIỆM ĐỊA PHƯƠNG THÀNH HIỆN THỰC

Công ty không ngừng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khuyến nông với định hướng tập trung để phát huy thế mạnh của địa phương đó là trồng rau và trồng chè. Ngoài ra, hiện nay Công ty còn mở rộng hỗ trợ người dân địa phương để thực hiện trồng hoa, đây được coi là lợi thế nông nghiệp mới của cộng đồng.

Số lượng chứng chỉ chè VietGAP cao nhất tỉnh

Thực hiện chương trình trồng chè theo tiêu chuẩn VietGAP, năm qua Công ty đã hỗ trợ thêm 04 tổ sản xuất chè với tổng 227 hộ gia đình được cấp chứng nhận VietGAP. So với cùng kỳ năm 2015, quy mô của chương trình đã tăng gần gấp đôi ở mọi mặt như số tổ sản xuất, số hộ gia đình tham gia và quy mô diện tích trồng chè. Tính đến nay, đã có tổng số 349 hộ gia đình với 56,6 ha trồng chè tại 4 xã bị ảnh hưởng đã được cấp chứng nhận VietGAP. Nhờ vậy, các sản phẩm chè VietGAP được thu mua với giá cao hơn từ 20% - 40% so với chè chưa được chứng nhận.

Theo đuổi mô hình rau an toàn

Năm 2016 là năm mang dấu ấn quan trọng đối với chương trình rau an toàn VietGAP với việc thành lập Hợp tác xã Rau an toàn Hùng Sơn. Thị trấn Hùng Sơn bắt đầu thực hiện mô hình trồng rau an toàn trên 11ha đất canh tác năm 2011. Tuy nhiên kể từ khi thực hiện, mô hình đã gặp rất nhiều khó khăn với việc duy trì các tiêu chuẩn VietGAP và đảm bảo đầu ra ổn định, chưa nói đến việc tăng quy mô sản xuất. Từ năm 2014, Masan Resources đã hiểu rất rõ về tính cấp bách của chương trình và lập tức can thiệp thông qua hỗ trợ tài chính và chuyên môn nghiệp vụ. Sau 3 năm với sự hỗ trợ không ngừng của Công ty về tài chính, thông qua các khóa tập huấn chuyên sâu và hướng dẫn kỹ thuật trực tiếp, kết quả đã có trên 150 nông dân và người sản xuất nông nghiệp duy trì và đảm bảo trồng rau an toàn.

Quỹ Phục hồi kinh tế - có sức ảnh hưởng tới công tác xây dựng chính sách

Quỹ Tài chính vi mô tiếp tục khẳng định là mô hình phục hồi kinh tế sáng tạo và hiệu quả. Trong năm qua, Công ty đã tiếp tục đầu tư trên 1 tỷ VND và tái đầu tư 699 triệu VND vào Quỹ, tạo thêm cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay cho 47 hộ gia đình. Tính đến nay, có 167 hộ gia đình được vay vốn để đầu tư vào các hoạt động gia tăng thu nhập khác nhau, trong đó có 45 hộ đã trả hết vốn vay và không có nợ xấu.

Với việc khởi tạo Quỹ Tài chính vi mô, Masan Resources đã được ghi nhận là doanh nghiệp duy nhất tỉnh Thái Nguyên không chỉ dẫn đầu về phát triển cộng đồng mà còn có tác động tích cực đối với vận động chính sách. Trên cơ sở chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Chỉ thị số 40, ngày 22/11/2014) và minh chứng về sự thành công của mô hình tài chính vi mô tại Masan Resources, Thái Nguyên đã trở thành một trong những tỉnh tiên phong trong cả nước trong việc hiện thực hóa các chính sách chung về huy động các doanh nghiệp chia sẻ nguồn lực với Ngân hàng Chính sách Xã hội để hỗ trợ người nghèo và các hộ khó khăn về kinh tế (Tham chiếu: Công văn số 998-CV-TU ngày 20/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên và Công văn số 352 ngày 05/2/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

Quỹ Phục hồi kinh tế theo năm (2013-2016)

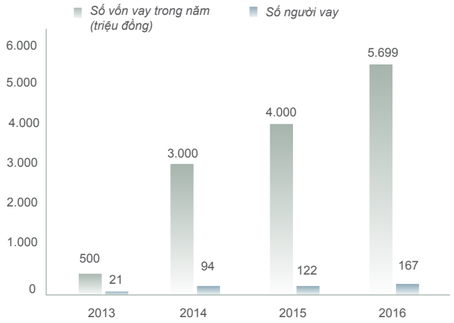

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN)

Thông tin về Công ty

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh Báo cáo tài chính

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN)

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0309966889 ngày 6 tháng 5 năm 2016 Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 6 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	41122000131 ngày 2 tháng 8 năm 2013 Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án "Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San". Dự án đầu tư có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.
Hội đồng Quản trị	Ông Chetan Prakash Baxi — Chủ tịch (từ ngày 22/4/2016) Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang — Chủ tịch (đến ngày 21/4/2016) Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang — Thành viên (từ ngày 22/4/2016) Ông Chetan Prakash Baxi — Thành viên (đến ngày 21/4/2016) Ông Nguyễn Thiều Nam — Thành viên Ông Jonathan David Fiorello — Thành viên Ông Dominic John Heaton — Thành viên (từ ngày 22/4/2016) Ông Nguyễn Văn Thắng — Thành viên (từ ngày 22/4/2016)
Ban Giám đốc	Ông Dominic John Heaton — Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN)

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 111 đến trang 156 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Dominic John Heaton
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San) ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 111 đến 156.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-02-153-A

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.496.130.991**	**2.490.177.582**	**951.931**	**552.795**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**603.345.037**	**372.014.377**	**896.931**	**497.795**
Tiền	111		536.715.037	370.384.377	896.931	497.795
Các khoản tương đương tiền	112		66.630.000	1.630.000	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**2.100.000**	**-**	**-**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.100.000	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**583.833.584**	**747.080.504**	**55.000**	**55.000**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		271.197.824	241.247.245	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.094.159	75.767.652	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	277.397.165	432.350.795	55.000	55.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6,855,564)	(2,285,188)	-	-
Hàng tồn kho	**140**	**7**	**1.112.385.216**	**1.084.398.392**	**-**	**-**
Hàng tồn kho	141		1.112.385.216	1.084.398.392	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**196.567.154**	**284.584.309**	**-**	**-**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.782.483	42.783.827	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		134.784.671	241.800.482	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 31/12/2016 Nghìn VND	Tập đoàn 1/1/2016 Nghìn VND	Công ty 31/12/2016 Nghìn VND	Công ty 1/1/2016 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**24.039.367.458**	**24.117.529.315**	**10.024.094.084**	**10.079.094.084**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.379.457.775**	**1.401.308.413**	**4.883.758.511**	**4.938.758.511**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	6	1.379.457.775	1.401.308.413	938.240.411	993.240.411
Tài sản cố định	**220**		**18.629.319.036**	**16.902.122.433**	**-**	**-**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.037.642.308	16.256.577.694	-	-
Nguyên giá	222		20.374.332.304	17.617.933.108	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.336.689.996)	(1.361.355.414)	-	-
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	17.946.667	31.406.667	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(49.353.333)	(35.893.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	573.730.061	614.138.072	-	-
Nguyên giá	228		677.940.788	677.181.458	137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.210.727)	(63.043.386)	(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.681.618.571**	**3.994.917.610**	**-**	**-**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.681.618.571	3.994.917.610	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**	**5.140.335.573**	**5.140.335.573**
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.348.972.076**	**1.819.180.859**	**-**	**-**
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.348.972.076	1.819.180.859	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**26.535.498.449**	**26.607.706.897**	**10.025.046.015**	**10.079.646.879**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 31/12/2016 Nghìn VND	Tập đoàn 1/1/2016 Nghìn VND	Công ty 31/12/2016 Nghìn VND	Công ty 1/1/2016 Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**14.825.018.166**	**15.012.572.488**	**581.264.773**	**718.158.182**
Nợ ngắn hạn	**310**		**3.518.587.636**	**3.971.178.995**	**40.190.598**	**65.834.559**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		385.674.737	527.850.896	33	36.416
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.027.125	5.011.136	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	43.470.903	29.966.819	-	-
Phải trả người lao động	314		14.359	11.626	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	794.222.535	798.272.246	934.647	778.096
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	31.175.245	79.848.379	39.255.918	65.020.047
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18(a)	2.227.002.732	2.530.217.893	-	-
Nợ dài hạn	**330**		**11.306.430.530**	**11.041.393.493**	**541.074.175**	**652.323.623**
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.124.123.839	1.581.573.288	541.074.175	652.323.623
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18(b)	8.922.889.456	8.173.417.989	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	675.071.953	704.173.514	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	584.345.282	582.228.702	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**11.710.480.283**	**11.595.134.409**	**9.443.781.242**	**9.361.488.697**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**11.710.480.283**	**11.595.134.409**	**9.443.781.242**	**9.361.488.697**
Vốn cổ phần	411	22	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*7.035.448.980*	*7.035.448.980*	*7.035.448.980*	*7.035.448.980*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		*159.024.300*	*159.024.300*	*159.024.300*	*159.024.300*
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.551.804.716	2.441.963.692	304.980.638	222.688.093
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*2.441.963.692*	*2.289.827.945*	*222.688.093*	*262.571.213*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ) năm nay	*421b*		*109.841.024*	*152.135.747*	*82.292.545*	*(39.883.120)*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		315.558.310	310.053.460	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**26.535.498.449**	**26.607.706.897**	**10.025.046.015**	**10.079.646.879**

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Hải Yến	Nikhil Kamran	Dominic John Heaton
Kế toán trưởng	*Quyền Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	**01**	**24**	**4.048.817.336**	**2.665.267.495**	**-**	**-**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**-**	**7.392.789**	**-**	**-**
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	**10**		**4.048.817.336**	**2.657.874.706**	**-**	**-**
Giá vốn hàng bán	**11**		**2.945.556.012**	**1.894.376.161**	**-**	**-**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**1.103.261.324**	**763.498.545**	**-**	**-**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	221.046.558	556.078.851	85.002.516	18.095.979
Chi phí tài chính	22	26	966.860.622	834.759.478	-	52.914.399
Chi phí bán hàng	25		132.925.055	160.179.519	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		93.030.372	247.909.321	2.707.029	5.064.700
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**131.491.833**	**76.729.078**	**82.295.487**	**(39.883.120)**
Thu nhập khác	31		2.378.754	11.769.734	-	-
Chi phí khác	32		33.305.833	29.939.356	2.942	-
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(30.927.079)**	**(18.169.622)**	**(2.942)**	**-**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 2016 Nghìn VND	Tập đoàn 2015 Nghìn VND	Công ty 2016 Nghìn VND	Công ty 2015 Nghìn VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**100.564.754**	**58.559.456**	**82.292.545**	**(39.883.120)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**27**	**14.320.441**	**113.525**	**-**	**-**
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	**52**	**27**	**(29.101.561)**	**(25.876.098)**	**-**	**-**
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	**60**		**115.345.874**	**84.322.029**	**82.292.545**	**(39.883.120)**
			Nghìn VND	**Nghìn VND**	**Nghìn VND**	**Nghìn VND**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho:						
Chủ sở hữu của Công ty	61		109.841.024	152.135.747	82.292.545	(39.883.120)
Cổ đông không kiểm soát	62		5.504.850	(67.813.718)	-	-
			VND	**VND**		
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	153	211		

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Hải Yến	Nikhil Kamran	Dominic John Heaton
Kế toán trưởng	*Quyền Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn 2016 Nghìn VND	Tập đoàn 2015 Nghìn VND	Công ty 2016 Nghìn VND	Công ty 2015 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**	**100.564.754**	**58.559.456**	**82.292.545**	**(39.883.120)**
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	1.027.293.480	808.013.379	-	-
Các khoản dự phòng	03	50.080.962	49.802.020	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	20.027.858	23.164.104	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(158.760.543)	(508.467.181)	(85.002.516)	(18.095.979)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	844.510.670	706.154.441	-	52.914.399
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**1.883.717.181**	**1.137.226.219**	**(2.709.971)**	**(5.064.700)**
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(103.021.421)	207.127.762	-	-
Biến động hàng tồn kho	10	(27.986.824)	(428.357.269)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	10.022.219	227.307.687	320.168	(27.056.124)
Biến động chi phí trả trước	12	31.329.469	(90.851.565)	-	-
		1.794.060.624	**1.052.452.834**	**(2.389.803)**	**(32.120.824)**
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(656.209.478)	(1.010.638.167)	-	(384.946.188)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(363.147)	(108.583)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**1.137.487.999**	**41.706.084**	**(2.389.803)**	**(417.067.012)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2016	2015	2016	2015
		Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.201.145.618)	(2.000.266.615)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.922.727	227.273	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	-	(2.100.000)	-	-
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	2.100.000	-	-	-
Tiền thu hồi khoản cho vay tại các đơn vị khác	24	-	-	-	996.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.314.464	4.661.873	55.002.516	30.210.729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(1.193.808.427)**	**(1.997.477.469)**	**55.002.516**	**1.026.210.729**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ đi vay	33	4.200.895.851	11.247.836.312	-	-
Tiền chi trả chi phí giao dịch liên quan tới các khoản vay	34	-	(122.500.000)	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.848.163.366)	(8.874.377.630)	-	(611.053.812)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(14.154.850)	(11.351.889)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	(52.213.577)	(52.070.918)	(52.213.577)	(52.070.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**286.364.058**	**2.187.535.875**	**(52.213.577)**	**(663.124.730)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2016	2015	2016	2015
		Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**230.043.630**	**231.764.490**	**399.136**	**(53.981.013)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**372.014.377**	**136.442.647**	**497.795**	**54.478.808**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**1.287.030**	**3.807.240**	**-**	**-**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	**70**	**603.345.037**	**372.014.377**	**896.931**	**497.795**

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Hải Yến	Nikhil Kamran	Dominic John Heaton
Kế toán trưởng	*Quyền Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San) ("Công ty" hoặc "MSR") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (trước đây là Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên ("MRTN")	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Tinh luyện vonfram Núi Pháo - H.C. Starck ("NPHCS")	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	51%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2016: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.343 nhân viên (1/1/2016: 1.475 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn ("Nghìn VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào "nhà cửa, vật kiến trúc", "máy móc và thiết bị" hoặc "tài sản khai thác khoáng sản khác" thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

• Nhà máy ST	91.000 tấn vonfram
• Nhà máy APT	86.215 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
• máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
• dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
• các tài sản khai thác khoáng sản khác	15 – 20 năm

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cấn trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là "nhà cửa và vật kiến trúc", "máy móc và thiết bị" hoặc "tài sản khai thác khoáng sản khác" hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là "chi phí khai thác khoáng sản khác".

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là hai mươi (20) năm.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Căn cứ hướng dẫn tại công văn số 12727/BTC-TCDN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ghi nhận các chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản là chi phí trả trước dài hạn thuộc tài sản dài hạn.

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần 'Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ').

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("MONRE") và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền

trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(n) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào "Vốn khác của chủ sở hữu".

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể, mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	619.613.601	833.247.290	2.391.679.574	204.276.871	4.048.817.336
Lợi nhuận gộp của bộ phận	371.604.434	476.834.387	229.262.354	25.560.149	1.103.261.324
Chi phí không phân bổ					225.955.427
Thu nhập từ hoạt động tài chính					221.046.558
Chi phí tài chính					966.860.622
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					131.491.833
Thu nhập khác					2.378.754
Chi phí khác					33.305.833
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(14.781.120)
Lợi nhuận thuần sau thuế					115.345.874

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	672.611.077	776.156.464	1.140.434.864	76.065.090	2.665.267.495
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	-	-	(7.392.789)	-	(7.392.789)
Tổng doanh thu của bộ phận	672.611.077	776.156.464	1.133.042.075	76.065.090	2.657.874.706
Lợi nhuận gộp của bộ phận	122.582.447	404.095.452	225.592.823	11.227.823	763.498.545
Chi phí không phân bổ					408.088.840
Thu nhập từ hoạt động tài chính					556.078.851
Chi phí tài chính					834.759.478
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					76.729.078
Thu nhập khác					11.769.734
Chi phí khác					29.939.356
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.762.573)
Lợi nhuận thuần sau thuế					84.322.029

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản của bộ phận	215.094.844	1.119.798.540	2.216.085.945	1.476.715.921	5.027.695.250
Tài sản không phân bổ					21.507.803.199
Tổng tài sản					26.535.498.449
Tổng nợ phải trả					14.825.018.166
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Tài sản của bộ phận	228.602.892	1.190.123.806	1.926.105.078	374.493.881	3.719.325.657
Tài sản không phân bổ					22.888.381.240
Tổng tài sản					26.607.706.897
Tổng nợ phải trả					15.012.572.488
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	346.191.642	75.264.692	421.456.334
Chi tiêu vốn không phân bổ					779.689.284
Khấu hao tài sản cố định	13.508.048	70.325.266	138.706.396	59.220.901	281.760.611
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					709.096.803
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					191.920.302
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	565.635.939	-	565.635.939
Chi tiêu vốn không phân bổ					1.434.630.676
Khấu hao tài sản cố định	12.011.214	62.165.939	62.974.002	19.273.104	156.424.259
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					613.725.509
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					115.779.983

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Tiền mặt	180.691	120.699	-	-
Tiền gửi ngân hàng	536.534.346	370.263.678	896.931	497.795
Các khoản tương đương tiền	66.630.000	1.630.000	-	-
	603.345.037	372.014.377	896.931	497.795

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	256.200.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác (b)	267.397.165	176.150.795	55.000	55.000
	277.397.165	432.350.795	55.000	55.000
Phải thu dài hạn				
Chi phí đi vay - MRTN (c)	-	-	938.240.411	993.240.411
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (d)	1.356.982.821	1.383.085.565	-	-
Phải thu dài hạn khác	22.474.954	18.222.848	-	-
	1.379.457.775	1.401.308.413	938.240.411	993.240.411

(a) Trong năm, tất cả các quyền và nghĩa vụ của một bên thứ ba mua các khoản phải thu tiền bồi thường của một công ty con đã được thay thế bởi một công ty mẹ cấp trung, theo đó 224 tỷ VND đã được thanh toán thông qua hình thức đối trừ công nợ (Thuyết minh 17(a)). Phần phải thu còn lại từ công ty mẹ cấp trung này không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

(b) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi. Năm trước, toàn bộ số dư khoản phải thu ngắn hạn khác là từ các bên thứ ba.

(c) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được khi đến hạn và không chịu lãi.

(d) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	16.836.476	65.652.476	-	-
Nguyên vật liệu	211.759.203	152.374.069	-	-
Công cụ và dụng cụ	508.128.264	548.806.632	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.477.090	104.308.694	-	-
Thành phẩm	244.848.741	213.256.521	-	-
Hàng gửi đi bán	45.335.442	-	-	-
	1.112.385.216	1.084.398.392	-	-

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.289.020.664	10.243.499.553	35.852.590	23.269.017	5.026.291.284	17.617.933.108
Tăng trong năm	-	12.900.910	1.564.343	-	-	14.465.253
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	1.143.877.938	1.595.805.074	1.549.482	4.098.777	-	2.745.331.271
Phân loại lại	(5.162.585)	5.205.163	2.785.995	2.743.595	-	5.572.168
Thanh lý	-	-	-	(6.672.968)	-	(6.672.968)
Xóa sổ	-	-	(1.141.528)	(1.155.000)	-	(2.296.528)
Số dư cuối năm	3.427.736.017	11.857.410.700	40.610.882	22.283.421	5.026.291.284	20.374.332.304
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	193.155.654	815.232.772	24.769.221	14.834.669	313.363.098	1.361.355.414
Khấu hao trong năm	157.931.126	616.950.806	3.658.332	3.798.129	195.059.021	977.397.414
Phân loại lại	(516.259)	558.837	2.785.995	2.743.595	-	5.572.168
Thanh lý	-	-	-	(5.794.106)	-	(5.794.106)
Xóa sổ	-	-	(1.102.978)	(737.916)	-	(1.840.894)
Số dư cuối năm	350.570.521	1.432.742.415	30.110.570	14.844.371	508.422.119	2.336.689.996
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.095.865.010	9.428.266.781	11.083.369	8.434.348	4.712.928.186	16.256.577.694
Số dư cuối năm	3.077.165.496	10.424.668.285	10.500.312	7.439.050	4.517.869.165	18.037.642.308

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 28.494 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 30.283 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.088 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2016: 10.440 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(ii)).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	35.893.333
Khấu hao trong năm	13.460.000
Số dư cuối năm	49.353.333
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	31.406.667
Số dư cuối năm	17.946.667

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính vì nghĩa vụ thuê được đảm bảo (Thuyết minh 18(b)(iii)).

11. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	88.810.640	588.370.818	677.181.458
Tăng trong năm	759.330	-	759.330
Số dư cuối năm	89.569.970	588.370.818	677.940.788
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	27.124.341	35.919.045	63.043.386
Khấu hao trong năm	10.617.012	30.550.329	41.167.341
Số dư cuối năm	37.741.353	66.469.374	104.210.727
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	61.686.299	552.451.773	614.138.072
Số dư cuối năm	51.828.617	521.901.444	573.730.061

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 10.127 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 9.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 571 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2016: 611 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(ii)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Số dư đầu năm	3.994.917.610	3.185.593.593
Tăng trong năm	986.327.607	1.904.441.432
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(2.745.331.271)	(1.106.684.101)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	-	(1.788.130)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	(554.295.375)	13.354.816
Số dư cuối năm	1.681.618.571	3.994.917.610

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 169 tỷ VND (2015: 299 tỷ VND). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ, xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM. Trong năm, tổ hợp chế biến và xi măng hóa Bismuth, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM, đã được chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (trước đây là Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên) ("MRTN")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck ("NPHCS")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NPHCS là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tiền đóng góp cho Uỷ ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên	Chi phí khai thác khoáng sản khác	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	7.677.810	606.226.331	39.864.000	1.159.914.274	5.498.444	1.819.180.859
Tăng trong năm	-	-	-	104.324.266	-	104.324.266
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	554.295.375	-	-	-	554.295.375
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	26.102.744	-	-	-	26.102.744
Phân loại lại	-	5.107.922	-	-	(5.107.922)	-
Tiền thuê đất trả trước được nhận lại	-	(4.178.207)	-	-	-	(4.178.207)
Phân bổ trong năm	(2.791.931)	(66.937.362)	(18.932.000)	(61.918.103)	(173.565)	(150.752.961)
Số dư cuối năm	4.885.879	1.120.616.803	20.932.000	1.202.320.437	216.957	2.348.972.076

Tiền đóng góp cho Uỷ ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:	1/1/2016 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	401.504.714	(401.504.714)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	115.104.084	(115.104.084)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.005	14.320.441	(363.147)	13.961.299
Thuế bảo vệ môi trường	-	13.227.925	(13.227.925)	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.513.474	41.175.268	(41.122.757)	25.565.985
Thuế tài nguyên	-	349.342.320	(349.342.320)	-
Các loại thuế khác	4.449.340	42.196.730	(42.702.451)	3.943.619
	29.966.819	976.871.482	(963.367.398)	43.470.903

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Tiền thưởng	17.555.938	5.792.711	-	-
Tiền lãi vay phải trả	312.366.388	251.034.100	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.736.128	1.907.433	-	-
Thuế và phí tài nguyên	230.260.525	286.165.753	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	102.639.226	139.122.810	-	-
Phí tư vấn	9.032.311	14.990.638	-	-
Chi phí hoạt động	119.251.190	96.350.608	-	-
Chi phí phải trả khác	1.380.829	2.908.193	934.647	778.096
	794.222.535	798.272.246	934.647	778.096

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Dài hạn:				
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	1.124.123.839	1.555.323.840	541.074.175	626.074.175
Phải trả khác cho các bên thứ ba				
Phải trả khác – dài hạn	-	26.249.448	-	26.249.448
	1.124.123.839	1.581.573.288	541.074.175	652.323.623
Ngắn hạn:				
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (MH)				
Phi thương mại – ngắn hạn (b)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho NPM				
Phi thương mại – ngắn hạn (b)	-	-	10.294.685	10.294.685
Phải trả khác cho các bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	28.663.460	77.336.594	26.449.448	52.213.577
	31.175.245	79.848.379	39.255.918	65.020.047

(a) Các khoản phải trả công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên. Trong năm một khoản đối trừ công nợ từ NPM với số tiền 224 tỷ VND đã được thực hiện (Thuyết minh 6(a)).

(b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

18. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2016		Biến động trong năm				31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Thanh toán	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Phân loại lại từ vay dài hạn	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.418.506.153	2.418.506.153	2.833.863.106	(3.068.163.366)	23.586.478	-	2.207.792.371	2.207.792.371
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	111.711.740	111.711.740	-	(480.954.849)	-	388.453.470	19.210.361	19.210.361
	2.530.217.893	2.530.217.893	2.833.863.106	(3.549.118.215)	23.586.478	388.453.470	2.227.002.732	2.227.002.732

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	702.018.134	1.732.671.150	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	129.399.631	-	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	805.693.327	120.000.000	-	-
Khoản vay từ bên thứ ba	USD	-	1.447.303	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	570.681.279	564.387.700	-	-
		2.207.792.371	2.418.506.153	-	-

(i) Khoản vay hợp vốn bằng USD từ một ngân hàng trong nước chịu lãi suất từ 3,5% đến 5,05% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Một phần của khoản vay này đã được hoán đổi thành khoản vay bằng VND với lãi suất hoán đổi là 4,5% một năm và thỏa thuận hoán đổi đã kết thúc trước ngày báo cáo. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 120 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.

(ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng là 4,5% và 8% một năm.

(iii) Khoản vay bằng USD là khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Vay dài hạn (i)	-	380.000.000	-	-
Phát hành trái phiếu dài hạn (ii)	8.916.802.303	7.865.677.365	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	25.297.514	39.452.364	-	-
	8.942.099.817	8.285.129.729	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(19.210.361)	(111.711.740)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	8.922.889.456	8.173.417.989	-	-

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

			Tập đoàn		Công ty	
	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (*)	VND	2018	-	380.000.000	-	-

(*) Các khoản vay trung hạn từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo và chịu lãi suất từ 9,3% đến 9,9% một năm. Trong năm, khoản vay đã được trả trước toàn bộ. Trước khi được thanh toán, khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng USD cùng với khoản vay này được đảm bảo bằng 158 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

				Tập đoàn	
	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(*)	2018	1.000.000.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(**)	2020	7.916.802.303	7.865.677.365
				8.916.802.303	7.865.677.365

(*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do TNTI phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán và trước ngày phát hành báo cáo tài chính này, TNTI đã nộp giấy đề nghị đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp đã được gửi tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM tương ứng vào ngày 11 tháng 1 năm 2017 và ngày 16 tháng 2 năm 2017.

(**) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM. Số lượng phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2016			1/1/2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	21.930.692	2.720.331	19.210.361	21.930.692	5.218.952	16.711.740
Trong vòng 2 đến 5 năm	6.265.918	178.765	6.087.153	25.063.649	2.323.025	22.740.624
	28.196.610	2.899.096	25.297.514	46.994.341	7.541.977	39.452.364

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn:	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	20.987.178	561.241.524	582.228.702
Dự phòng lập trong năm	1.616.013	43.894.573	45.510.586
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Bù trừ với khoản hoàn thuế GTGT	-	(13.394.006)	(13.394.006)
Số dư cuối năm	22.603.191	561.742.091	584.345.282

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	675.071.953	704.173.514	-	-

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	150.273.418	3.615.386
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.763	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	146.078.655	3.615.386
	150.273.418	3.615.386

(*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.289.827.945	11.132.945.202	377.867.178	11.510.812.380
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	152.135.747	152.135.747	(67.813.718)	84.322.029
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.441.963.692	11.285.080.949	310.053.460	11.595.134.409
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	109.841.024	109.841.024	5.504.850	115.345.874
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283

Công ty:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.194.473.280	1.944.327.324	262.571.213	9.401.371.817
Lỗ thuần trong năm	-	-	(39.883.120)	(39.883.120)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	222.688.093	9.361.488.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	82.292.545	82.292.545
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280	719.447.328	7.194.473.280
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.944.327.324	-	1.944.327.324

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày chuyển đổi.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	22.288.147	506.386.696	5.630.416	126.121.285

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.577.438	9.577.438

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

Tập đoàn:	31/12/2016 Nghìn VND	1/1/2016 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	135.029.650	3.838.841
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	52.252.650	-
	187.282.300	3.838.841

(d) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(q), Tập đoàn có các cam kết sau theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin ("LMB") tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán là thay đổi trong ước tính do thiếu cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá thị trường niêm yết trong tương lai tại LMB tại ngày thực hiện giao dịch.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 112 tỷ VND (2015: Không).

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

Tập đoàn:	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Tổng doanh thu	4.048.817.336	2.665.267.495
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	-	(7.392.789)
Doanh thu thuần	4.048.817.336	2.657.874.706

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	2.314.252	18.239.910	2.516	18.095.979
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.633.062	47.838.941	-	-
Nợ đã đối trừ với một công ty liên quan	185.000.000	490.000.000	85.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	99.244	-	-	-
	221.046.558	556.078.851	85.002.516	18.095.979

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN) VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	844.510.670	706.154.441	-	52.914.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45.920.881	81.088.205	-	-
Chi phí tài chính khác	76.429.071	47.516.832	-	-
	966.860.622	834.759.478	-	52.914.399

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	14.320.441	113.525	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(29.101.561)	(25.876.098)	-	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.781.120)	(25.762.573)	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2016	2015	2016	2015
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	100.564.754	58.559.456	82.292.545	(39.883.120)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.112.951	12.883.080	16.458.509	(8.774.286)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.123.679	6.397.990	588	616
Ưu đãi thuế	(18.800.157)	-	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(6.776.723)	24.747.423	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(26.788.428)	(86.202.797)	(16.459.097)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	54.755	21.641.657	-	8.773.670
Biến động chênh lệch tạm thời	11.292.803	(5.229.926)	-	-
	(14.781.120)	(25.762.573)	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%). Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

28. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 107.413 triệu VND (2015: 148.773 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 703.544.898 cổ phiếu (2015: 703.544.898 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	2016	2015
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	2.427.890	3.362.759
Cổ đông phổ thông	107.413.134	148.772.988
	109.841.024	152.135.747

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	2016	2015
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm	719.447.328	719.447.328
Trong đó:		
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	15.902.430
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	703.544.898

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	-	78.156.014
	Nợ đã đối trừ với NPM	324.000.000	490.000.000
	Nợ đã đối trừ với MSR	85.000.000	-
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	-	64.236.148
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	22.200.000	384.946.188
	Khoản vay đã trả	-	611.053.812
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường thông qua đối trừ nợ với NPM	224.000.000	-
	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường của NPM	22.200.000	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng trong nước	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	127.732.924	129.582.179
	Nhận tiền thu từ trái phiếu (*)	1.000.000.000	-
	Khoản vay nhận được	1.602.550.679	2.442.424.470
	Khoản vay đã trả	3.027.719.261	1.375.111.828
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	18.727.458	15.883.505

(*) Theo thỏa thuận, các trái phiếu này sẽ được niêm yết và bán lẻ ra công chúng. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp đã được gửi tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM tương ứng vào ngày 11 tháng 1 năm 2017 và ngày 16 tháng 2 năm 2017.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong `năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2016 Nghìn VND	2015 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	-	52.221.014
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	-	52.914.399
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	-	384.946.188
	Khoản vay đã trả	-	611.053.812
	Đối trừ công nợ	85.000.000	-
Các công ty liên quan khác			
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên	Thu nhập tài chính từ việc cấp khoản vay cho một công ty con	-	17.914.950
	Thu hồi các khoản cho vay	-	996.000.000
	Doanh thu tài chính nhận được	36.711.320	30.000.000
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	18.288.680	-
	Các khoản tạm ứng đã trả	-	27.000.000

30. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Tập đoàn		Công ty	
	2016	2015	2016	2015
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	32.967.256	95.997.456	-	52.221.014
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	4.731.276	3.876.382	-	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Hải Yến	Nikhil Kamran	Dominic John Heaton
Kế toán trưởng	*Quyền Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*

KHUYẾN CÁO ĐỐI VỚI CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

Báo cáo này chứa đựng những thông tin có thể bao hàm những "nhận định về tương lai". Nói chung, các từ ngữ "tin tưởng", "kỳ vọng", "dự định", "nhắm đến", "ước tính", "dự kiến", "dự phóng", "sẽ" và những từ ngữ tương tự xác định các nhận định về tương lai, mà nhìn chung không phải là các sự kiện đã xảy ra thực tế. Tuy nhiên, việc một nhận định không có các từ ngữ này hoặc các từ ngữ tương tự không có nghĩa là nhận định đó không phải là nhận định về tương lai. Toàn bộ các nhận định về kết quả hoạt động, các sự kiện hoặc sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai – bao gồm các nhận định về mức độ tăng trưởng, thị phần bán hàng và lợi nhuận trên mức độ tăng trưởng thị phần, và các nhận định về quan điểm chung đối với kết quả hoạt động trong tương lai – là những nhận định về tương lai.

Ban điều hành tin rằng những nhận định về tương lai là hợp lý tại thời điểm được đưa ra. Tuy nhiên các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về tương lai nào trong báo cáo này bởi vì các nhận định về tương lai này được đề cập vào ngày lập báo cáo. Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới, những sự kiện tương lai hoặc bất kỳ diễn biến nào khác, ngoại trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về tương lai còn tùy thuộc vào nhiều rủi ro và những bất trắc có thể khiến kết quả được kiểm toán hoàn toàn khác biệt so với những kết quả trước đây của Công ty và những kỳ vọng hoặc mong đợi hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro này bao gồm các rủi ro về định giá sản phẩm và giá bán của Công ty đối với Vonfram, Đồng, Florit và Bismut được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả trên thị trường thế giới, mà đã từng xảy ra biến động lớn. Sự biến động về giá sản phẩm có thể xảy ra do các thay đổi về giá từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nhu cầu của ngành công nghiệp, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn tài nguyên hữu ích mới, thay đổi công nghệ, sản phẩm thay thế và các khoản thuế của nhà nước. Sự biến động về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu và giá cả hàng hóa trong tương lai. Điều này cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực đến lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai. Những rủi ro và bất trắc này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, những nội dung được đề cập tại các phần khác của báo cáo này và những nội dung được đề cập tại từng thời điểm trong các báo cáo tương lai của chúng tôi được nộp cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Báo cáo này không được phát hành tại Hoa Kỳ. Báo cáo này và các thông tin chứa đựng trong báo cáo này không phải là một bản chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ. Chứng khoán có thể không được phép chào bán tại Hoa Kỳ nếu không đăng ký theo Luật Chứng khoán năm 1933 của Hoa Kỳ, như được sửa đổi, hoặc không được miễn đăng ký. Bất kỳ việc chào bán công khai nào đối với chứng khoán tại Hoa Kỳ sẽ phải được thực hiện bằng bản cáo bạch mà có thể được cung cấp bởi tổ chức phát hành chứng khoán hoặc người nắm giữ các chứng khoán được chào bán và sẽ có các thông tin chi tiết về công ty và ban điều hành công ty cũng như báo cáo tài chính.

CÁC TỪ VIẾT TẮT/ĐỊNH NGHĨA

APT	Muối kết tinh Amoni Vonframat
BAH	Người bị ảnh hưởng bởi Dự án
BKS	Ban Kiểm soát của Công ty
Bộ KHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BSF	Tuyển nổi sunfua khối lớn
BTO	Oxit Vonfram xanh
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
Cổ phiếu	Cổ phiếu được phát hành và đang lưu hành của Công ty tại từng thời điểm
Công ty hoặc MSR hoặc Masan Resources	Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
CSMT	Phòng Cảnh sát Môi trường (Thái Nguyên)
CPEP	Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua trồng cây Năng lượng
CSR	Trách nhiệm xã hội
Dự án Núi Pháo	Dự án Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 17121000026 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/07/2010 (điều chỉnh bổ sung theo từng thời điểm)
EATC	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EPS	Lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi cổ phiếu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GHG	Khí thải gây hiệu ứng nhà kính
Hội đồng Quản trị hoặc HĐQT	Hội đồng Quản trị của Công ty
H.C. Starck	Công ty H.C.Starck
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
ICMM	Hội đồng Khoáng sản và Kim loại Quốc tế
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
IT	Công nghệ thông tin
ITIA	Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế
Liên doanh	Công ty Liên doanh giữa Công ty Núi Pháo và H.C.Starck
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014
OPEC	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ
Masan Group	MSN và các công ty con
mtu	tấn
MSC	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
NAWAPI	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên Nước Quốc gia (Bộ Tài Nguyên và Môi trường)
OTC	Đập chứa đuôi quặng oxit
Sở KHCN	Sở Khoa học & Công nghệ
SCM	Quản lý chuỗi cung ứng
STC	Đập chứa đuôi quặng sulphua
TNTI	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
TRIF	Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận
TSF	Khu chứa quặng đuôi
UBND	Ủy ban Nhân dân
UPCOM	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết
USD or US$ or $	Đơn vị tiền tệ của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ
VAS	Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VietGAP	Chứng chỉ về Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam
VND	Đơn vị tiền tệ của Nước CHXHCN Việt Nam
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
YTO	Oxit Vonfram Vàng
WWTP	Trạm xử lý nước thải

Ảnh được giải nhất cuộc thi Ảnh-Video của MSR năm 2016
Tác giả: Natthapong Promajakarin

MASAN
RESOURCES

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza,
17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +84 8 6256 3862
Fax : +84 8 3827 4115

Văn phòng đại diện
Tầng 15, tòa tháp Quốc tế Hòa Bình,
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội,
Việt Nam
Điện thoại : +84 4 3718 2490
Fax : +84 4 3718 2491